

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay xu thế cạnh tranh là tất yếu, đòi hỏi các doanh nghiệp không những phải sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng mà còn phải có giá cả hợp lý.

Công tác quản lý chi phí sản xuất là một chỉ tiêu quan trọng, luôn luôn được các nhà quản lý doanh nghiệp quan tâm chú trọng, vì chi phí sản xuất là chỉ tiêu phản ánh chất lượng của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua những thông tin về chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm, các nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được những chi phí sản xuất và giá thành thực tế của từng loại hoạt động, từng loại sản phẩm lao vụ cũng như kết quả của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp nhằm phân tích, đánh giá tình hình thực hiện của định mức chi phí và dự toán chi phí, tình hình sử dụng tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm để từ đó có những quyết định đúng trong quản lý.

Vấn đề chi phí và giá thành không chỉ là sự quan tâm của các doanh nghiệp mà còn là mối quan tâm của người tiêu dùng, của xã hội nói chung.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và trong thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến, em đã quyết định chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Về mặt lý luận: Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến.

Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến. Số liệu được lấy của năm 2009 để phân tích.

4. Phương pháp nghiên cứu

Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán: Phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối...

5. Nội dung của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến.

Chương 3: Nhận xét và kiến nghị về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến.

Với khả năng bản thân còn hạn chế và trong điều kiện thời gian không cho phép nên mặc dù đã có nhiều cố gắng song không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1.1. Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.1. Chi phí sản xuất

1.1.1.1. Khái niệm

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải khai thác và sử dụng các nguồn lao động, vật tư, tài sản, tiền vốn để thực hiện việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, cung cấp các lao vụ, dịch vụ. Trong quá trình đó doanh nghiệp phải bỏ ra các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá cho hoạt động kinh doanh của mình, chi phí đã bỏ ra đó được gọi là chi phí sản xuất.

Vậy chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Thực chất, chi phí sản xuất kinh doanh là sự chuyển dịch vốn, giá trị của các yếu tố đầu vào để tập hợp cho từng đối tượng giá.

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh

Phân loại chi phí là việc sắp xếp các chi phí vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những đặc trưng nhất định. Có nhiều cách phân loại chi phí khác nhau, sau đây là một số cách phân loại phổ biến trong kế toán chi phí – giá thành dưới góc độ kế toán tài chính:

1.1.1.2.1. Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí, bao gồm:

+ Chi phí trực tiếp: Là chi phí liên quan trực tiếp đến việc sản xuất một loại sản phẩm, một công việc, lao vụ hoặc một hoạt động, một địa điểm nhất định và hoàn toàn có thể hạch toán trực tiếp cho sản phẩm, công việc lao vụ, dịch vụ đó.

+ Chi phí gián tiếp: Là loại chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, công việc lao vụ, dịch vụ, nhiều đối tượng khác nhau nên phải tập hợp cho từng đối tượng bằng cách phân bổ gián tiếp.

Cách phân loại này có ý nghĩa thuận tuý đối với kỹ thuật hạch toán, trường hợp có phát sinh chi phí gián tiếp bắt buộc phải áp dụng phương pháp phân bổ, lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp. Mức độ chính xác của chi phí gián tiếp tập hợp cho từng đối tượng phụ thuộc vào tính hợp lý và khoa học của tiêu chuẩn phân bổ chi phí. Vì vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp phải hết sức quan tâm đến việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí nếu muốn có thông tin chuẩn mực về chi phí, kết quả lợi nhuận của từng loại sản phẩm, dịch vụ, từng hoạt động của doanh nghiệp

1.1.1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí

Về thực chất, quá trình sản xuất kinh doanh chỉ gồm ba yếu tố chi phí: Lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động. Tùy theo yêu cầu quản lý ở mỗi thời kỳ mà các yếu tố trên được chi tiết thành các mức độ khác nhau. Theo chế độ kế toán hiện hành, toàn bộ chi phí được chia thành 5 yếu tố sau:

+ Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (loại trừ giá trị dùng không hết và phế liệu thu hồi).

+ Yếu tố chi phí nhân công: yếu tố này phản ánh tổng số tiền lương, phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên và các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, KPCĐ).

+ Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh tổng số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong

+ Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho sản xuất kinh doanh.

+ Yếu tố chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền nằm ngoài các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân loại theo yếu tố chi phí có tác dụng:

- Trong phạm vi doanh nghiệp: Phục vụ quản lý chi phí sản xuất, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm căn cứ để lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố, lập kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, sử dụng lao động cho kỳ sau.

- Trong phạm vi nền kinh tế: Cung cấp tài liệu để tính toán thu nhập quốc dân do có sự tách biệt giữa hao phí lao động vật hoá và hao phí lao động sống

1.1.1.2.3. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là toàn bộ các chi phí về nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm toàn bộ tiền lương, tiền công, phụ cấp, thưởng có tính chất lương phải trả cho lao động trực tiếp tham gia vào việc sản xuất sản phẩm và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ- phần tính vào chi phí).

+ Chi phí sản xuất chung: Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến tiền công, tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ (phản ánh toàn bộ tiền khấu hao TSCĐ sử dụng ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất như khấu hao máy móc thiết bị...), chi phí dịch vụ mua ngoài để phục vụ cho sản xuất ở phân xưởng, chi phí bằng tiền khác.

- *Tác dụng*: Phục vụ cho việc quản lý chi phí sản xuất theo định mức, cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành sản xuất sản phẩm, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành làm tài liệu tham khảo để lập định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch giá thành sản phẩm cho kỳ sau

1.1.1.2.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp:

+ Chi phí biến đổi (biến phí): Là những chi phí có sự thay đổi về số lượng tương quan tỷ lệ thuận với sự thay đổi của khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ. Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp...

+ Chi phí cố định (định phí): Là những chi phí không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi khối lượng sản phẩm sản xuất trong mức độ nhất định như chi phí khấu hao tài sản cố định theo phương pháp bình quân, chi phí điện thắp sáng....

+ Chi phí hỗn hợp: Là các khoản chi phí vừa thể hiện đặc tính định phí, vừa thể hiện đặc tính của biến phí. VD: Chi phí tiền điện, tiền điện thoại, chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.

- Tác dụng: Cách phân loại này có tác dụng lớn đến công tác quản trị kinh doanh, qua việc xem xét mối quan hệ giữa khối lượng sản xuất với chi phí bỏ ra giúp các nhà quản lý tìm ra những biện pháp quản lý thích hợp với từng loại chi phí để tiến tới hạ thấp giá thành sản phẩm. Đồng thời việc phân loại này giúp phân tích điểm hoà vốn và phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết khác trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Giá thành sản phẩm

1.1.2.1. Khái niệm

Trong sản xuất, chi phí sản xuất chỉ là một mặt thể hiện sự hao phí. Để đánh giá chất lượng kinh doanh của các tổ chức kinh tế, chi phí sản xuất chi ra phải được xem xét trong mối quan hệ với mặt thứ hai cũng là mặt cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, là kết quả sản xuất thu được. Quan hệ so sánh đó đã hình thành nên chỉ tiêu giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ.

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm

1.1.2.2.1. Phân loại giá thành theo thời điểm tính giá thành

+ Giá thành kế hoạch: Là giá thành được tính trước khi bắt đầu quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của các doanh nghiệp, là căn cứ để phân tích đánh giá tình hình thực hiện hạ giá thành sản phẩm.

+ Giá thành định mức: Là giá thành được tính trước khi bắt đầu quá trình sản xuất sản phẩm và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm dựa trên cơ sở các định mức chi phí tại từng thời điểm trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng).

+ Giá thành thực tế: Là giá thành được tính sau khi đã kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm và được tính cho cả giá thành đơn vị và tổng giá thành dựa trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến khối lượng sản phẩm hoàn thành.

1.1.2.2.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí

+ Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Là chỉ tiêu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) và tính cho sản phẩm đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm là căn cứ để tính giá vốn bán hàng và lãi gộp của cả doanh nghiệp sản xuất.

+ Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ): Là chỉ tiêu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và chỉ xác định cho những sản phẩm đã được coi là tiêu thụ.

$$Z_{\text{toàn bộ}} = Z_{\text{sản xuất}} + CP_{\text{BH}} + CP_{\text{QLDN}}$$

1.2. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

1.2.1. Ý nghĩa

Doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, doanh nghiệp có thể tập hợp một cách đầy đủ toàn bộ các chi phí có liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm, từ đó doanh nghiệp có chiến lược

định giá sản phẩm hợp lý, phù hợp với nhu cầu và khả năng về tài chính của khách hàng, cũng từ việc làm đó mà doanh nghiệp có biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm để nhằm đạt được lợi nhuận cao nhất- một trong những mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới.

1.2.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.2.2.1. Vai trò

- Trong công tác quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp. Vì vậy, trong mọi hoạt động của doanh nghiệp nói chung và trong tổ chức công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng thì kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng. Thông qua việc hạch toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sẽ cung cấp kịp thời và đầy đủ số liệu cần thiết về chi phí và giá thành sản phẩm cho các nhà quản lý, đồng thời biết được giá thành của sản phẩm chính xác là bao nhiêu và lợi nhuận thu được, để từ đó đưa ra biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành và tăng lợi nhuận.

1.2.2.2. Nhiệm vụ

- Căn cứ vào đặc điểm sản xuất và quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản phẩm của doanh nghiệp mà xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp. Trên cơ sở đó tiến hành tính toán và phân bổ chính xác chi phí cho từng đối tượng chịu chi phí đã xác định.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp lựa chọn nhằm thu nhận, hệ thống hoá tổng hợp và cung cấp thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

- Tổ hợp ghi chép và phân tích tổng hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, đội tổ, từng giai đoạn sản xuất, theo các yếu tố chi phí, theo các khoản mục giá thành sản phẩm và công việc.

- Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, các dự toán chi phí đối với chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí QLDN để từ đó đề xuất những biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Định kỳ báo cáo chi phí sản xuất theo đúng tiến độ, đánh giá sản phẩm dở dang một cách khoa học và hợp lý, xác định giá thành một cách chính xác nhất.

1.3. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất

1.3.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

- Trong doanh nghiệp đối tượng kế toán chi phí sản xuất chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí, thực chất là xác định nơi phát sinh và nơi chịu chi phí.

- Hoạt động sản xuất của doanh nghiệp có thể tiến hành ở nhiều địa điểm phân xưởng, tổ, đội sản xuất khác nhau theo quy trình công nghệ cũng khác nhau. Do đó, chi phí sản xuất của doanh nghiệp cũng có thể phát sinh ở nhiều địa điểm, nhiều bộ phận, liên quan đến nhiều sản phẩm công việc.

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thực chất là xác định những phạm vi giới hạn mà chi phí sản xuất cần được tập hợp nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm tra chi phí và tính giá thành sản phẩm. Việc xây dựng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp cần phải căn cứ vào những đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, địa điểm phát sinh chi phí cũng như yêu cầu và trình độ quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh. Dựa vào những căn cứ trên, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là:

+ Từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, tổ, đội sản xuất hoặc toàn doanh nghiệp.

+ Từng giai đoạn công nghệ hoặc toàn bộ quy trình công nghệ.

+ Từng sản phẩm, từng đơn đặt hàng, từng công trình.

+ Từng bộ phận chi tiết sản phẩm

1.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

- Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp: Phương pháp này áp dụng với những chi phí phát sinh chỉ liên quan đến một đối tượng tập hợp chi phí. Khi chi phí phát sinh sẽ được quy nạp trực tiếp cho đối tượng đó.

- Phương pháp phân bổ gián tiếp: Theo phương pháp này các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí đã xác định mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng thì kế toán sẽ tập hợp toàn bộ chi phí, sau đó tiến hành phân bổ cho từng đối tượng cụ thể theo tiêu chuẩn hợp lý.

1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (NVL TT)

Chi phí NVL trực tiếp là những chi phí NVL chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm, hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ sản xuất, kinh doanh.

Để theo dõi các khoản chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng TK 621

Bên nợ: Trị giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ hạch toán.

Bên có: + Kết chuyển giá trị vật liệu dùng không hết.

+ Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp thực tế phát sinh sang TK 154 “chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ.

+ Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632

TK 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Phương pháp kế toán:

Xuất kho NVL sử dụng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ trong kỳ. Căn cứ vào bảng phân bổ vật liệu, dụng cụ, phiếu xuất kho:

Nợ TK 621 : Chi phí NVL trực tiếp

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

Mua NVL về sử dụng ngay cho sản xuất sản phẩm, không nhập kho. Căn cứ vào hoá đơn bán hàng của người bán.

Nợ TK 621 : Chi phí NVL trực tiếp

Nợ TK 133 : VAT đầu vào của vật liệu mua vào

Có TK 111, 112, 331, 141,...

NVL đã xuất dùng nhưng cuối kỳ không sử dụng hết nhập lại kho. Căn cứ vào phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ hoặc phiếu nhập kho.

Nợ TK 152 : Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 621: Chi phí NVL trực tiếp.

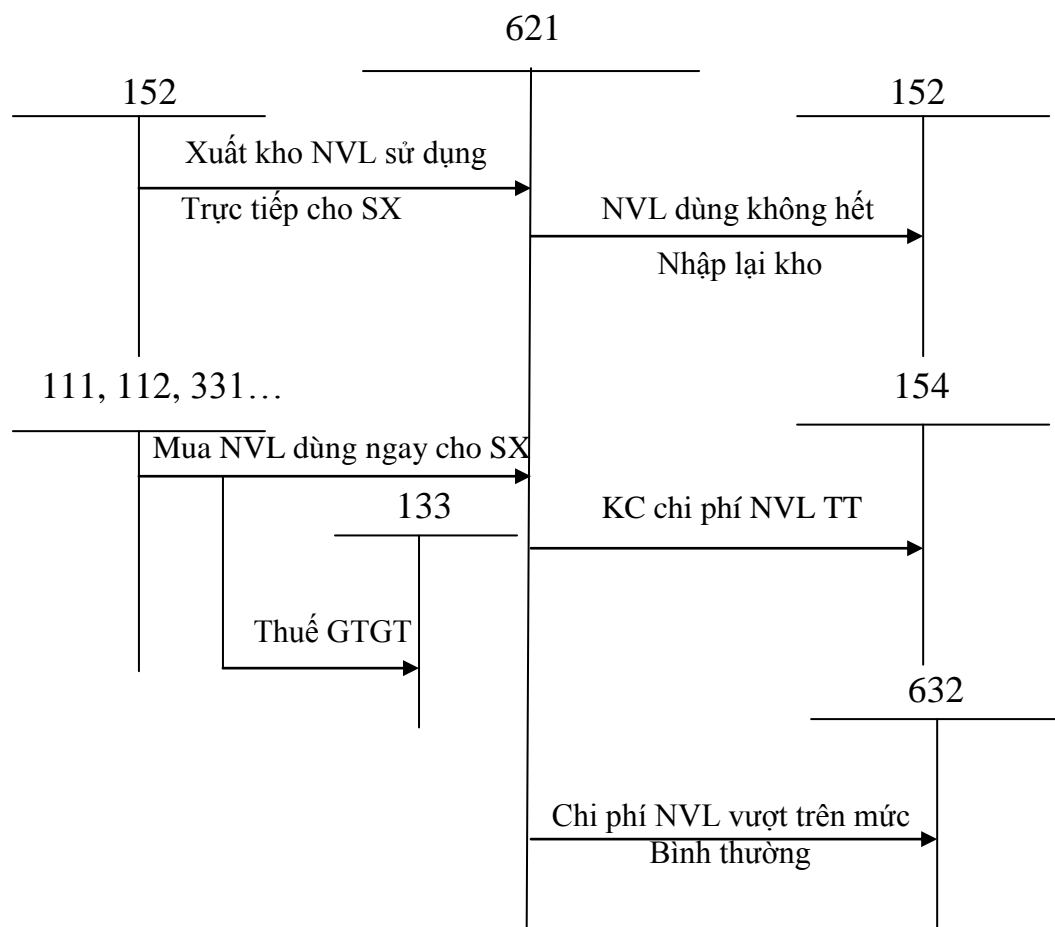
Cuối kỳ kết chuyển chi phí NVL trực tiếp thực tế phát sinh sang TK tính giá thành theo từng đối tượng chịu chi phí.

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 631 : Phần CPNVL trực tiếp vượt trên mức bình thường

Có TK 621: Chi phí NVL trực tiếp

Sơ đồ 1.1. Kế toán chi phí NVL trực tiếp theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)

Chi phí NCTT là số tiền thù lao lao động mà doanh nghiệp phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ trong kỳ như: lương cơ bản, phụ cấp có tính chất lương, các khoản trích cho quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ do chủ doanh nghiệp chịu.

Để theo dõi các khoản chi phí NCTT, kế toán sử dụng TK 622

Bên nợ: Tập hợp chi phí NCTT thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Kết chuyển chi phí NCTT vào bên nợ TK 154 “chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ.

+ Kết chuyển chi phí NCTT vượt trên mức bình thường vào TK 632.

TK 622 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Phương pháp kế toán:

Căn cứ vào bảng thanh toán lương, ghi nhận số tiền lương, tiền công và các khoản khác phải trả cho NCTT sản xuất sản phẩm, ghi:

Nợ TK 622: Chi phí NCTT

Có TK 334: Phải trả người lao động

Tính, trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí NC TT sản xuất, ghi:

Nợ TK 622: Chi phí NC TT

Có TK 338 (3382, 3383, 3384)

Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, ghi:

Nợ TK 622: Chi phí NC TT

Có TK 335: Chi phí phải trả.

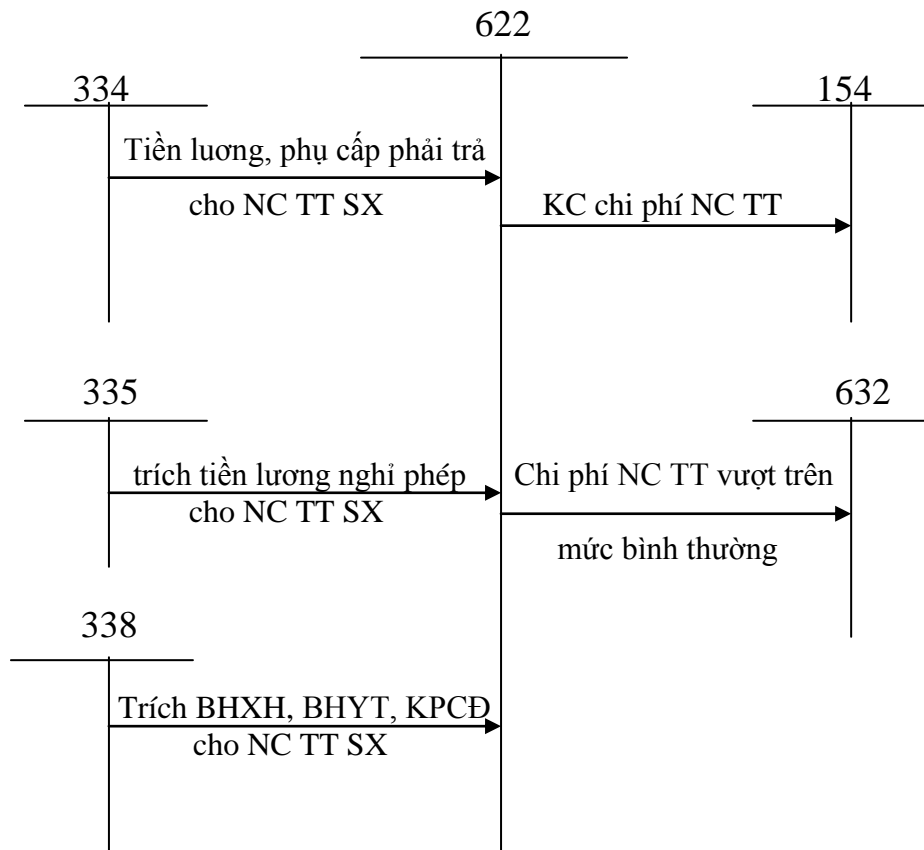
Cuối kỳ kết chuyển chi phí NC TT thực tế phát sinh sang TK tính giá thành theo từng đối tượng chịu chi phí.

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 631 : Phần CPNCTT vượt trên mức bình thường

Có TK 622: Chi phí NCTT

Sơ đồ 1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.3.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung (CPSXC)

CPSXC là những chi phí sản xuất gián tiếp có liên quan chung đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ trong phạm vi phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp gồm: Lương nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, đội; khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả của công nhân phân xưởng, bộ phận, đội.

Để theo dõi các khoản CP SX, kế toán sử dụng TK 627.

Bên nợ: Tập hợp CPSXC phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Các khoản ghi giảm CPSXC.

+ Kết chuyển CPSXC vào bên nợ TK 154 “chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ.

TK 627 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp kế toán:

a. Tập hợp CPSXC theo từng phân xưởng, tổ, đội sản xuất:

- Chi phí nhân viên phân xưởng (Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương)

Nợ TK 6271

Có TK 334: Lương nhân viên phân xưởng

Có TK 338: Các khoản trích theo lương NVPX

- Chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng (Căn cứ vào bảng phân bổ VL, DC)

Nợ TK 6272

Có TK 152

- Chi phí khấu hao TSCĐ của phân xưởng (Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao)

Nợ TK 6274

Có TK 214

- Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...)

Nợ TK 6277

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331...

- Chi phí khác bằng tiền (tiếp tân, hội nghị...)

Nợ TK 6278

Có TK 111, 112

b. Các chi phí theo dự toán tính trước vào CPSXC kỳ này: CP sửa chữa lớn

TSCĐ, thiệt hại ngừng sản xuất...

Nợ TK 627

Có TK 335

c. Các khoản ghi giảm CPSXC (phế liệu thu hồi, các khoản bồi thường vật chất):

Nợ TK 111, 112, 152...

Có TK 627

d. Cuối kỳ, căn cứ vào bảng phân bổ CP SXC để phân bổ và kết chuyển CPSXC sang TK tính giá thành:

Nợ TK 154

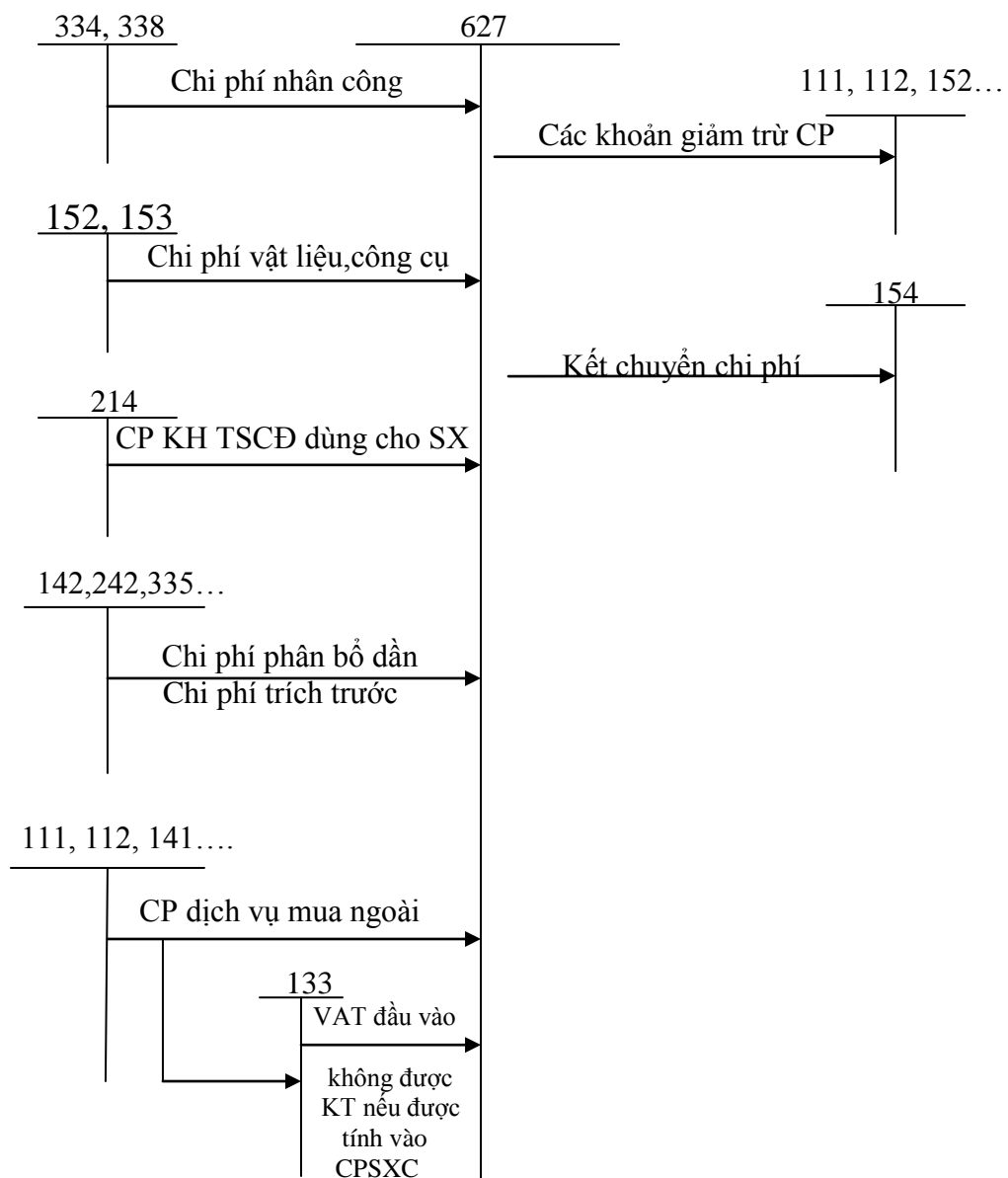
Có TK 627

- Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường của máy móc. Khoản CPSXC cố định không phân bổ (không tính vào giá thành sản phẩm) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 627

Sơ đồ 1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung



1.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp

Sau khi hạch toán và phân bổ các loại chi phí sản xuất đều phải tập hợp vào bên nợ của TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. TK 154 được mở chi tiết cho từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hoặc từng loại sản phẩm,...

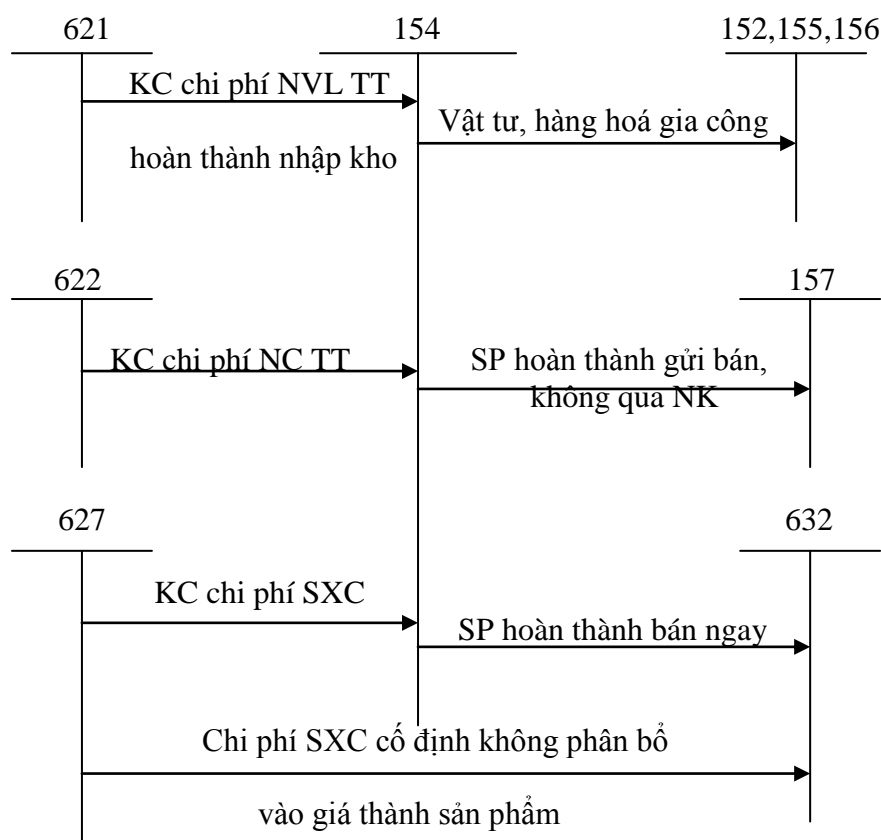
Bên nợ: Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho hoặc chuyển đi bán.

+ Các khoản ghi giảm chi phí như: thu hồi phế liệu, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được....

Dư nợ: Phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh còn dở dang cuối kỳ.

Sơ đồ 1.4. Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ



1.4. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa đi qua tất cả các công đoạn của quy trình sản xuất, còn đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc trong quá trình sản xuất.

Để tính được giá thành sản phẩm, doanh nghiệp cần thiết phải đánh giá sản phẩm dở dang, tức là xác định phần chi phí sản xuất đang nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ, nó có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chính xác giá thành sản phẩm, không chỉ ảnh hưởng đến giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thành phẩm xuất bán trong kỳ.

Tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, tỷ trọng, mức độ các yếu tố chi phí đưa vào quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm mà kế toán có thể chọn một trong các phương pháp sau để đánh giá sản phẩm dở dang:

1.4.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, ta dựa vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ để quy đổi sản phẩm dở dang ra sản phẩm hoàn thành. Tiêu chuẩn quy đổi thường dựa vào tiền lương hay giờ công định mức. Sau đó, tính toán từng khoản mục chi phí hoặc từng yếu tố chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ.

$$\text{KM CPSX năm trong spddck} = \frac{\text{KM CPSX năm trong spddck} + \text{KM CPSX t.té phát sinh trong kỳ}}{\text{Q}_{h.\text{thành CK}} + \text{Q}_{\text{ddck quy đổi}}} \times \text{Q}_{\text{ddck quy đổi}}$$

Trong đó: $\text{Q}_{\text{ddck quy đổi}} = \text{Q}_{\text{ddck}} \times \% \text{ hoàn thành}$

1.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí NVL TT

Theo phương pháp này, ta giả định trong giá trị sản phẩm dở dang chỉ có chi phí

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVLTT năm trong spddck} + \text{Chi phí NVLTT t.té phát sinh trong kỳ}}{\text{Q}_{h.\text{thành CK}} + \text{Q}_{\text{ddck}}} \times \text{Q}_{\text{ddck}}$$

Phương pháp này tuy đơn giản nhưng độ chính xác không cao, nên nó chỉ thích hợp với những doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (>70%), và nguyên vật liệu bỏ vào một lần ngay từ giai đoạn công nghệ đầu tiên.

1.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản phẩm định mức

Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê sản phẩm dở dang, sau đó dựa vào số lượng, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và chi phí sản xuất định mức để tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Chi phí SP DDCK} = \frac{\text{CPSX theo định mức cho 1 đvsp}}{\text{cho 1 đvsp}} \times Q_{\text{ddck}} \times \% \text{ hoàn thành}$$

1.5. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.5.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Việc xác định đối tượng tính giá thành ở từng doanh nghiệp cụ thể dựa vào nhiều yếu tố sau:

- + Đặc điểm tổ chức sản xuất và cơ cấu sản xuất.
- + Quy trình công nghệ sản xuất và chế tạo sản phẩm.
- + Đặc điểm sử dụng thành phẩm, bán thành phẩm.
- + Các yêu cầu quản lý, yêu cầu cung cấp thông tin cho việc ra quyết định trong doanh nghiệp

Cơ sở tính giá thành:

- Xét về mặt tổ chức sản xuất:
 - + Nếu tổ chức đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, từng công việc.
 - + Nếu tổ chức sản xuất nhiều loại sản phẩm, khối lượng sản xuất lớn thì mỗi loại sản phẩm, từng đơn đặt hàng là một đối tượng tính giá thành.
- Xét về quy trình công nghệ sản xuất:
 - + Nếu quy trình công nghệ sản xuất đơn giản thì đối tượng tính giá thành là thành phẩm hoàn thành của quy trình sản xuất đó.
 - + Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, liên tục thì tùy theo yêu cầu quản lý, đặc điểm sử dụng nửa thành phẩm(bán ra ngoài, nhập kho...) và khả năng tính toán

mà đối tượng tính giá thành có thể chỉ là thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối hoặc bao gồm cả thành phẩm, nửa thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ....

- Đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán mở các phiếu tính giá thành cho từng đối tượng và phục vụ cho công tác phân tích tính giá thành sản phẩm trong kỳ.

1.5.2. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Xác định kỳ tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho việc tổ chức tính giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, đảm bảo cung cấp số liệu về giá thành thực tế của sản phẩm, lao vụ một cách kịp thời, giúp giám đốc tìm ra những biện pháp để thực hiện kế hoạch hạ giá thành sản phẩm.

Để xác định kỳ tính giá thành thích hợp, kế toán cần căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm và chu kỳ sản xuất sản phẩm:

+ Đối với những loại sản phẩm được sản xuất liên tục, chu kỳ sản xuất ngắn thì kỳ tính giá thành thường là một tháng.

+ Đối với những sản phẩm có chu kỳ sản xuất dài thì kỳ tính giá thành thường là thời kỳ kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm hoặc khi sản phẩm đã hoàn thành.

1.5.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành là phương pháp sử dụng các số liệu mà kế toán đã tập hợp để tính giá thành thực tế sản phẩm, công việc đã hoàn thành theo khoản mục đã quy định và đối tượng tính giá thành. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải được xuất phát từ quy trình sản xuất tại doanh nghiệp, mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Nếu doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, chu kỳ sản xuất ngắn, ít mặt hàng thì nên tính giá thành theo phương pháp đơn giản.

Nếu doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm có nhiều quy cách khác nhau thì sử dụng phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ hoặc theo hệ số.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt theo từng đơn đặt hàng và theo từng loại hàng thì sử dụng phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

1.5.3.1. Phương pháp tính giá thành gián đơn (phương pháp trực tiếp)

Theo phương pháp này căn cứ vào chi phí sản xuất đã tổng hợp được và chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ để xác định giá thành sản phẩm:

$$\text{Tổng giá thành} = \text{Giá trị spdd đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị spdd cuối kỳ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

Trường hợp cuối tháng không có sản phẩm dở dang thì tổng chi phí đã tập hợp trong kỳ đồng thời là tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.

Để phục vụ cho việc tính giá thành đơn giản, kế toán doanh nghiệp lập bảng tính giá thành cho từng loại sản phẩm, dịch vụ:

BẢNG (THẺ) TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Tháng.....năm.....

Tên sản phẩm, dịch vụ Số lượng.....

	DD _{ĐK}	CPSX	DD _{CK}	Σ giá thành	Giá thành đơn vị
1. Chi phí NVL trực tiếp					
2. Chi phí NCTT					
3. Chi phí sản xuất chung					
4. Cộng					

1.5.3.2. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Đặc điểm của việc hạch toán chi phí trong doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng thì toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp theo đơn đặt hàng không kể đơn đặt hàng theo số lượng ít hay nhiều hoặc công nghệ đơn giản hay phức tạp. Vì

vậy, những chi phí trực tiếp phát sinh trong kỳ liên quan đến đơn đặt hàng nào thì tập hợp chi phí theo đơn đặt hàng đó theo các chứng từ gốc hoặc theo bảng phân bổ chi phí. Còn chi phí sản xuất chung thì cuối kỳ sẽ phân bổ chi phí theo từng đơn đặt hàng cho phù hợp.

1.5.3.3. Phương pháp tính giá thành theo hệ số

Phương pháp này thường áp dụng ở những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, sử dụng cùng một thứ nguyên vật liệu nhưng lại thu được nhiều sản phẩm khác nhau.

Đối tượng tập hợp chi phí là tất cả quy trình công nghệ sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm do quy trình công nghệ đó sản xuất hoàn thành, giữa các loại sản phẩm lại xây dựng được hệ số quy đổi để quy tất cả các loại sản phẩm khác nhau về cùng một loại sản phẩm gốc (sản phẩm tiêu chuẩn có hệ số = 1), từ đó tính giá thành đơn vị sản phẩm gốc và giá thành đơn vị sản phẩm từng loại.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc}(Z_0) = \frac{\text{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm } (\Sigma Z)}{\text{Tổng số lượng của tất cả các SP đã quy đổi } (\Sigma Q)}$$

Trong đó:

$$\Sigma Z = \begin{array}{ccc} \text{Giá trị spdd đầu} & + & \text{CPSX phát sinh trong} & - & \text{Giá trị spdd cuối} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$
$$\Sigma Q = \Sigma Q_i \times H_i$$

Trong đó: Q_i : Số lượng sản phẩm loại i

H_i : Hệ số quy đổi của sản phẩm i

$$\text{Giá thành đơn vị SP loại } i(Z_i) = \frac{\text{Giá thành đơn vị SP gốc } (Z_0)}{\text{Hệ số quy đổi của sản phẩm } i (H_i)} \times$$

1.5.3.4. Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ

Phương pháp này thường áp dụng cho những doanh nghiệp sản xuất được nhiều loại sản phẩm, dịch vụ cùng loại nhưng lại có quy cách, phẩm cấp khác nhau

Đối tượng tập hợp chi phí là nhóm sản phẩm cùng loại, giữa các loại sản phẩm lại không xây dựng được hệ số quy đổi để tính giá thành theo phương pháp hệ số. Vì vậy, việc tính giá thành thực tế của sản phẩm được căn cứ vào giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức tính cho số lượng sản phẩm hoàn thành và tỷ lệ chi phí.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm } i = \frac{\text{Giá thành kế hoạch (định mức) sản phẩm } i}{\text{Giá thành kế hoạch (định mức) sản phẩm } i} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ chi phí(\%)} = \frac{\sum Z \text{ thực tế của tất cả các loại sản phẩm}}{\sum Z \text{ kế hoạch của tất cả các loại sản phẩm}}$$

1.5.3.5. Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này thường áp dụng đối với những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất thu được cả sản phẩm chính và sản phẩm phụ: như doanh nghiệp chế biến đường, rượu, bia...

Đối tượng tập hợp chi phí là cả quy trình sản xuất. Khi tính giá thành sản phẩm chính kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ thu được ra khỏi tổng chi phí sản xuất

$$\text{Z đơn vị SP chính} = \frac{\text{CPsxdd đầu kỳ} + \text{Tổng cpps trong kỳ} - \text{CP sxdd cuối kỳ} - \text{giá trị sản phẩm phụ}}{\text{Tổng sản phẩm chính}}$$

1.5.3.6. Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này áp dụng với những doanh nghiệp có quy trình sản xuất phức tạp, quá trình sản xuất chế biến sản phẩm qua nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ (như doanh nghiệp dệt, khai thác, cơ khí chế tạo).

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng bộ phận sản xuất hoặc từng công nghệ sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở các bước chế biến và thành phẩm hoàn thành ở bước cuối kỳ.

- Trình tự tính giá thành của phương pháp này:

+ Tập hợp chi phí sản xuất theo từng bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ sản xuất.

+ Cộng chi phí sản xuất của các bộ phận sản xuất theo công thức:

$$Z = \sum C_i$$

Trong đó:

C_i : Là chi phí sản xuất tập hợp được ở từng bộ phận, giai đoạn công nghệ sản xuất.

1.5.3.7. Phương pháp liên hợp

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp có tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm làm ra đòi hỏi việc tính giá thành phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như ngành công nghiệp hoá chất, dệt kim, đóng giày...

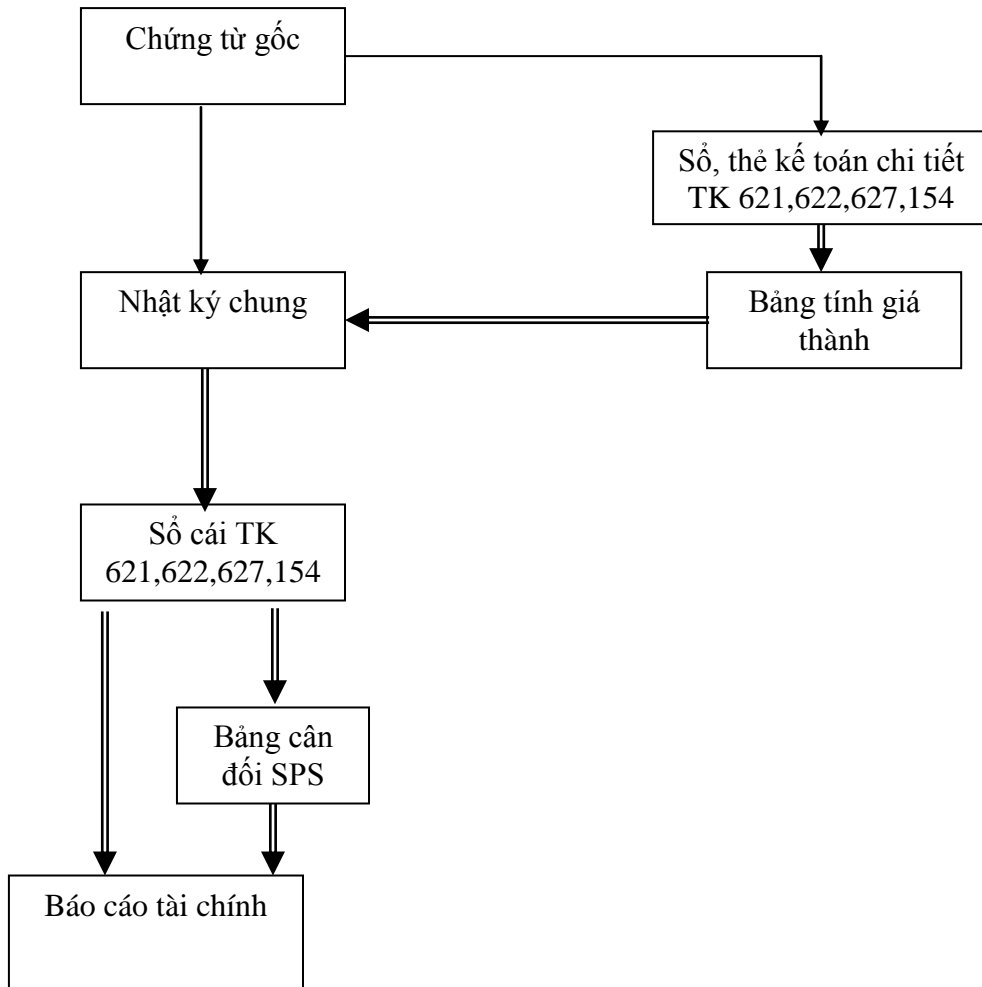
Trên thực tế, các doanh nghiệp có thể kết hợp phương pháp giản đơn với phương pháp cộng chi phí, phương pháp cộng chi phí với phương pháp tỷ lệ.

1.6. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

Trong các loại hình doanh nghiệp, do quy mô lớn nhỏ khác nhau nên hình thức kế toán tại các doanh nghiệp cũng khác nhau. Với mọi hình thức kế toán lại áp dụng những loại sổ tổng hợp khác nhau. Sổ tổng hợp là loại sổ được sử dụng để ghi các hoạt động kế toán mang tính chất liên quan đến TK kế toán tổng hợp.

Sau đây là một số hình thức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành được áp dụng ở các doanh nghiệp hiện nay:

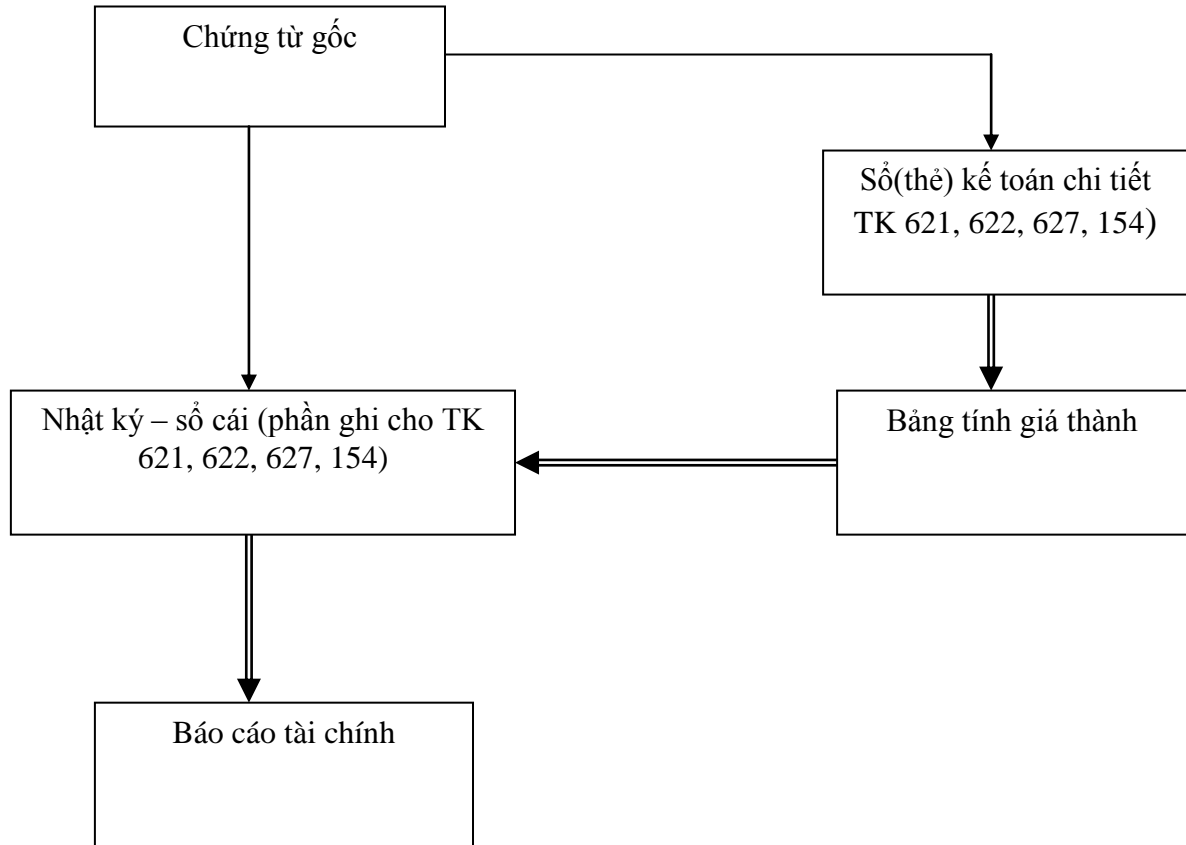
**Sơ đồ 1.5. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO
HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

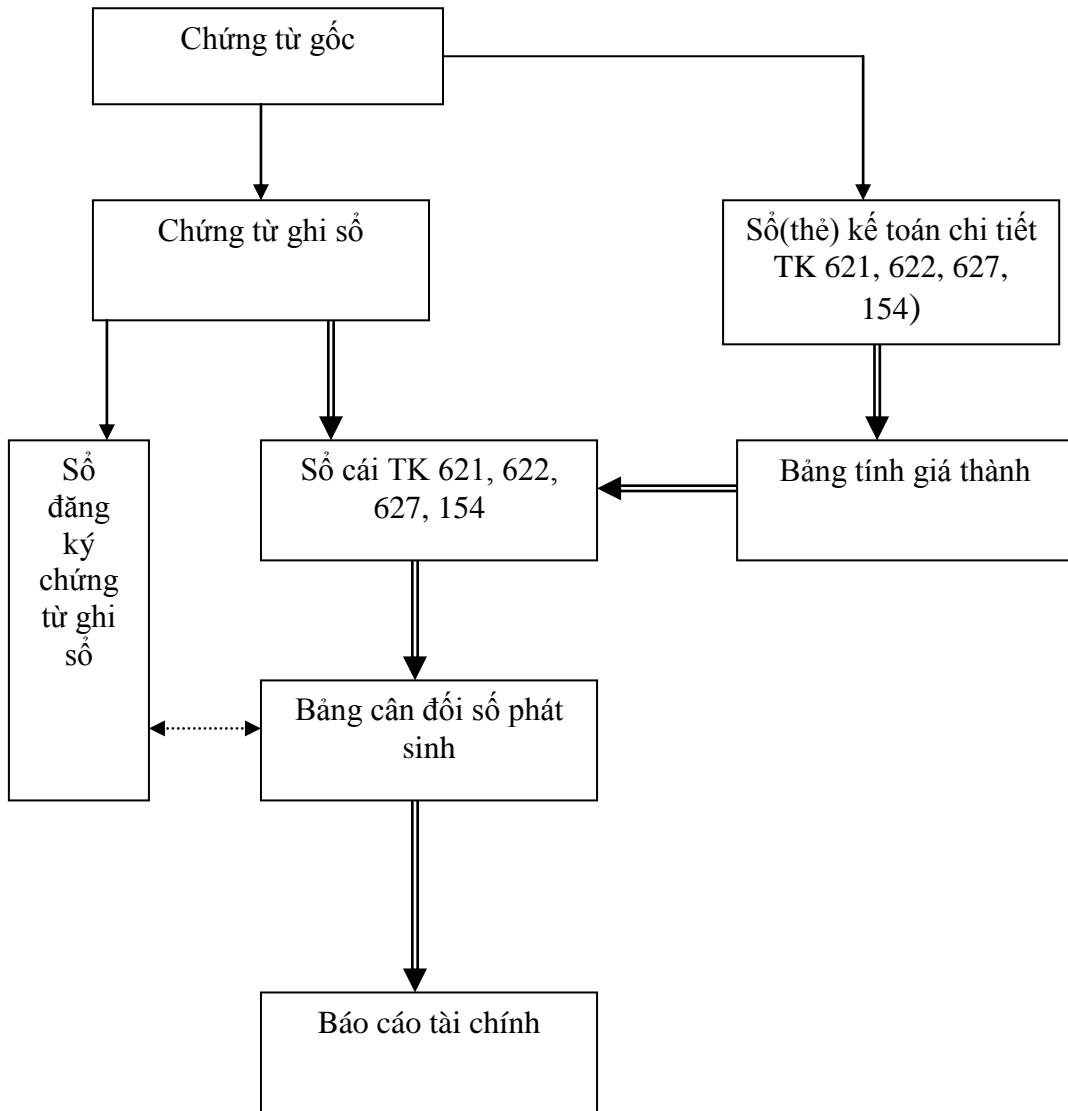
**Sơ đồ 1.6. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO
HÌNH THỨC NHẬT KÝ – SỔ CÁI**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu

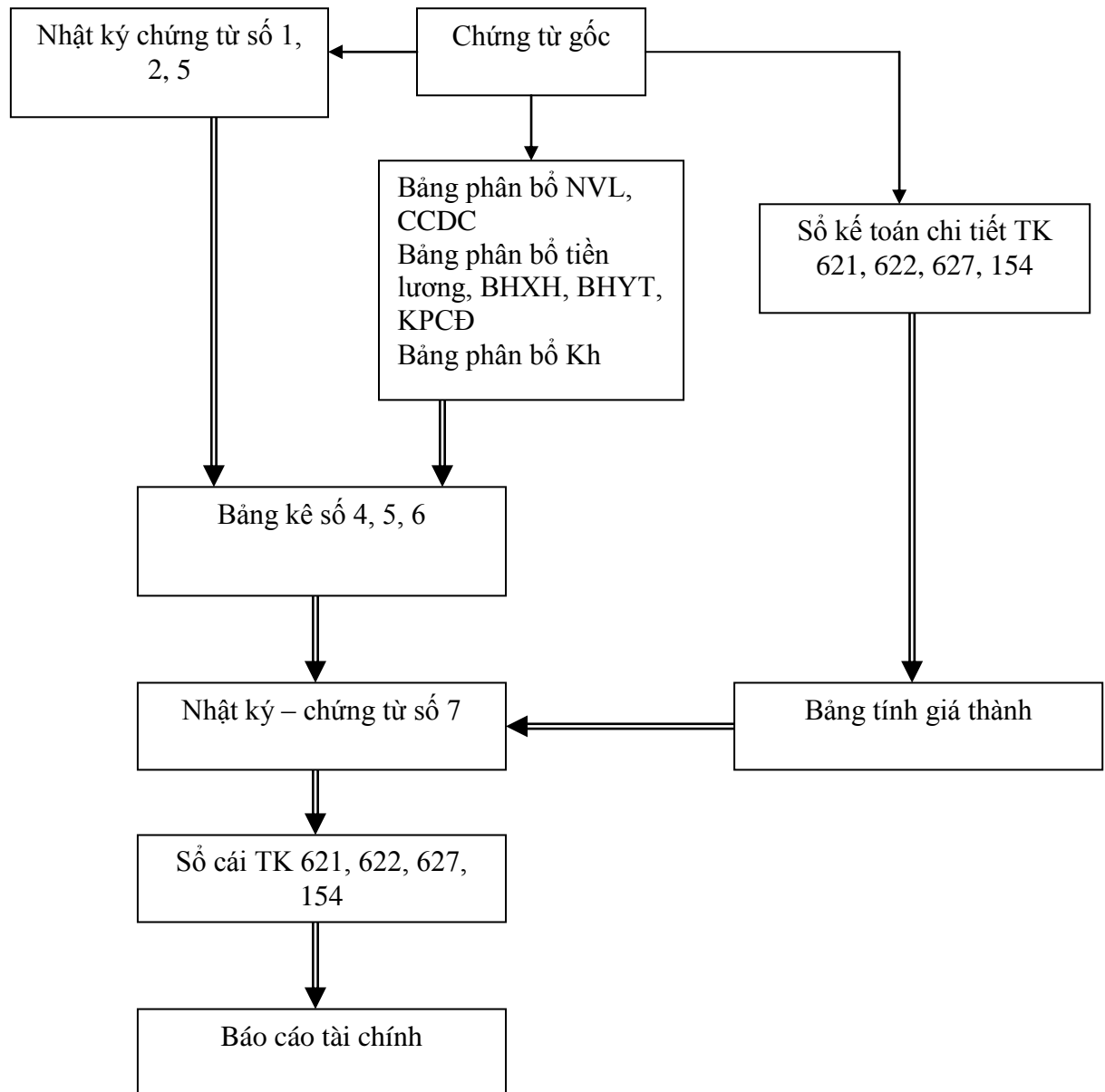
**Sơ đồ 1.7. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO
HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ**



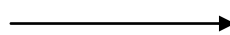


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

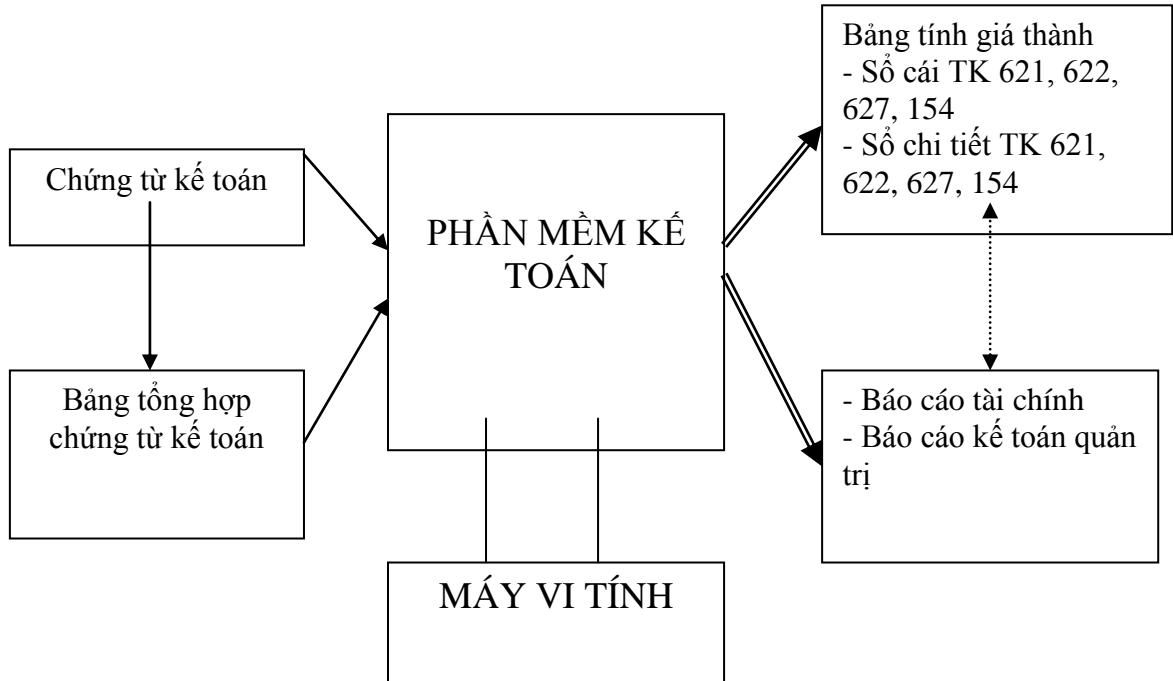
**Sơ đồ 1.8. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO
HÌNH THỨC NHẬT KÝ – CHỨNG TỪ**



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối kỳ
-  Quan hệ đối chiếu

**Sơ đồ 1.9. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO
HÌNH THỨC KẾ TOÁN MÁY**



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối kỳ
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUYẾT TIẾN

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên công ty : Công ty TNHH TM và VT QUYẾT TIẾN.

Tên giao dịch tiếng Anh : QUYET TIEN TRADING & TRANSPORT
COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt : QUYET TIEN TRADING & TRANSPORT
CO.,LTD.

Địa chỉ trụ sở chính : Số 459 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô
Quyền, TP.Hải Phòng.

Điện thoại : 031.3753335

Fax : 031.3753336

Mã số thuế : 0200632327

Tài khoản số : 13334239 – Tại ngân hàng ACB, chi nhánh HP

Công ty được thành lập ngày 26/5/2005 với ngành nghề kinh doanh:

+ *Dịch vụ giao nhận hàng hóa.*

+ *Đại lý vận tải.*

+ *Mua bán bách hóa, phụ tùng ô tô, đồ dùng gia đình, vận tải hàng hóa
đường bộ, đường biển.*

Trong đó chủ yếu là dịch vụ giao nhận hàng hóa.

Vốn điều lệ ban đầu : 1.000.000.000 đồng. Ngày 25/8/2009 công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần hai với vốn điều lệ tăng gấp 5 lần và ngoài những ngành nghề trên còn có thêm nhiều ngành nghề kinh doanh khác:

- + *Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.*
- + *Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.*
- + *Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.*
- + *Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác*
- + *Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.*
- + *Lắp đặt hệ thống điện.... Trong đó vẫn chủ yếu là dịch vụ giao nhận hàng hóa.*

2.1.2. Nhiệm vụ của công ty

- Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng của dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá của khách hàng.
- Bảo toàn và phát triển vốn của công ty.
- Kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và các chính sách xã hội góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty

2.1.3.1. Thuận lợi

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý cũng như của toàn nhân viên sau năm năm hoạt động đã được nâng lên rõ rệt.
- Trong những năm thành lập công ty đã có rất nhiều cố gắng để tạo dựng uy tín cho mình trên thị trường, cho đến nay công ty đã có được sự tin nhiệm của rất nhiều khách hàng trong và ngoài ngành.

2.1.3.2. Khó khăn

- Bất kì một doanh nghiệp nào khi mới thành lập cũng gặp không ít khó khăn như việc tìm kiếm đối tác kinh doanh, tìm kiếm khách hàng... và công ty Quyết Tiến cũng vậy, tuy là công ty cũng đã tạo dựng cho mình được uy tín trên thị trường nhưng cũng không tránh khỏi những khó khăn mà các công ty khác gặp phải.

- Một doanh nghiệp khi mới bước chân vào thị trường kinh doanh thì năm đầu lợi nhuận của công ty còn chưa cao hoặc có thể thua lỗ.

- Do sự biến động về giá cả xăng dầu làm cho giá thành của ngành vận tải tăng \Rightarrow kìm hãm sự phát triển của ngành.

- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty vận tải.

THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÔNG TY TRONG HAI NĂM GẦN ĐÂY ĐƯỢC THỂ HIỆN RÕ QUA BẢNG SAU:

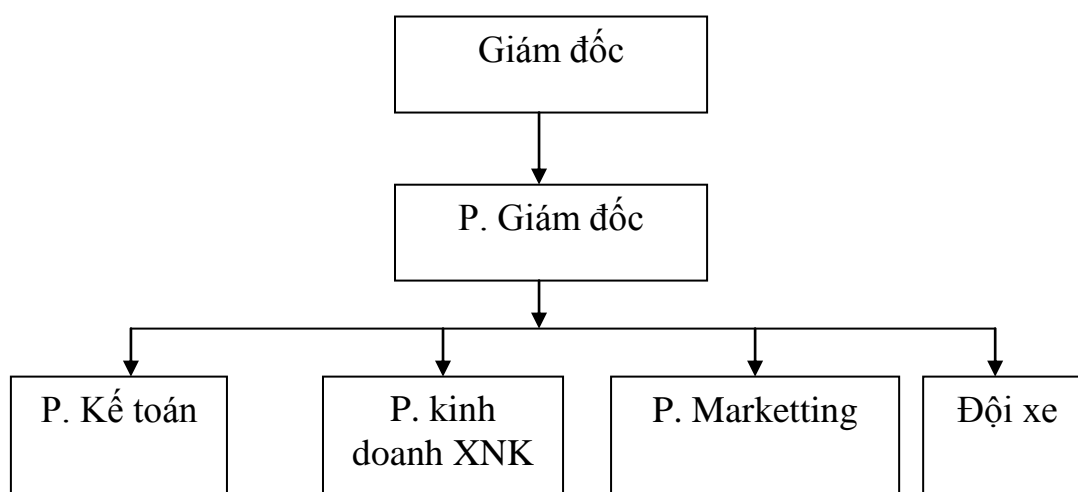
Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ %
1. Doanh thu	5.964.915.706	9.549.562.904	3.584.647.198	60,09
2. Chi phí kinh doanh	5.929.036.091	9.508.813.683	3.579.777.592	60,37
3. Lợi nhuận trước thuế	35.879.615	40.749.221	4.869.606	13,57
4. Lợi nhuận sau thuế	25.833.323	30.561.916	4.728.593	18,3

Qua một số chỉ tiêu kinh tế trong hai năm gần đây được thể hiện ở bảng trên ta thấy doanh thu năm 2009 tăng lên đáng kể so với năm 2008: tăng 3.584.647.198đ tương đương với 60,09%, nhưng bên cạnh đó chi phí cũng tăng mạnh. Vì vậy làm cho lợi nhuận tăng không đáng kể: Lợi nhuận năm 2009 tăng 4.728.593đ so với năm 2008 (tương đương với 18,3%), một phần do đây là một công ty mới thành lập.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến theo một mô hình trực tuyến chức năng: Giám đốc giám sát mọi hoạt động của công ty, Phó giám đốc trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty do Giám Đốc giao. Cụ thể mô hình bộ máy tổ chức quản lý của công ty được thể hiện như sơ đồ 2.1

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty



- Giám đốc: Là người đứng đầu công ty, đại diện cho công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành, đề ra các chiến lược phát triển cho công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh, là người trực tiếp tham gia kí kết các hợp đồng kinh tế, lựa chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

- Phó Giám đốc: Điều hành công ty, trực tiếp giúp đỡ giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi nhiệm vụ được giao, được phân công, phó giám đốc phải thường xuyên báo cáo với giám đốc về công việc được giao.

- Phòng kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc

công ty, thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty, lập các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm.

- Phòng kinh doanh Xuất Nhập Khẩu: Thực hiện các thủ tục về xuất nhập hàng hóa: các thủ tục hải quan..., làm tham mưu cho giám đốc trong việc kinh doanh xuất, nhập khẩu, phục vụ ngành giao thông vận tải, lập kế hoạch kinh doanh xuất, nhập khẩu, tìm hiểu thị trường trong và ngoài nước để xuất, nhập các mặt hàng đã ghi trong giấy phép kinh doanh, phục vụ cho ngành giao thông vận tải và sản xuất tiêu dùng của nhân dân.

- Phòng Marketing: Tiếp cận thị trường, quảng cáo, đưa thương hiệu của công ty đến khách hàng nhằm mục đích tìm kiếm khách hàng, tạo dựng độ tin cậy của khách đối với công ty.

- Đội xe: Quản lý các phương tiện vận tải phục vụ cho nhu cầu vận chuyển. Nắm bắt quản lý chắc tình hình lái xe, đôn đốc lái xe thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch vận tải, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện vận tải.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến

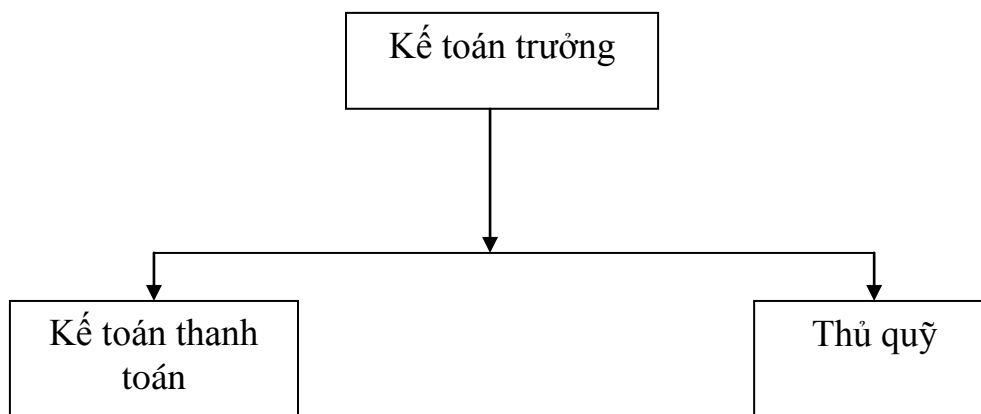
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn gàng, có hiệu quả, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Bộ máy kế toán của công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến gồm 3 người: Kế toán trưởng, kế toán thanh toán, và thủ quỹ.

Cụ thể, mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty được thể hiện như sơ đồ 2.2:

Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



- Kế toán trưởng: Phụ trách chung bộ phận kế toán tài vụ, có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán tài chính trong đơn vị. Đơn đốc, xem xét kiểm soát, đối chiếu chứng từ hạch toán của các phần hành kế toán đảm bảo theo luật kế toán, tổng hợp số liệu kế toán tháng, quý, năm theo quy định của đơn vị và chịu trách nhiệm về số liệu của mình.

- Kế toán thanh toán: Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ với khách hàng, kiểm tra kiểm soát các chứng từ của các đơn vị trong công ty, tính hợp lý của chứng từ trước khi trình kế toán trưởng phê duyệt. Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản tài chính liên quan đến ngân hàng, rút tiền mặt, nộp thuế, phiếu thu, phiếu chi, chứng từ, đề nghị thanh toán.

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ thu, chi tiền mặt theo quyết định của người có thẩm quyền của công ty, quản lý két quỹ, đảm bảo an toàn, ngăn nắp, gọn gàng, bí mật, đóng mở có khoa học. Đối chiếu theo quy định với kế toán thanh toán có chữ ký xác nhận. Nhập xuất quỹ phải đảm bảo đầy đủ, chính xác.

2.1.5.2. Vận dụng chế độ kế toán hiện hành tại công ty

2.1.5.2.1. Tổ chức hệ thống chứng từ và hạch toán ban đầu

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Được bắt đầu từ ngày 1/1/N và kết thúc vào ngày 31/12/N
- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán tuân thủ theo chế độ kế toán Nhà Nước, đó là sử dụng tiền Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp khấu hao đều.
- Hệ thống sổ sách gồm:
 - Bảng cân đối kế toán
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - Thuyết minh báo cáo tài chính
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Sổ kế toán chi tiết
 -

2.1.5.2.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến

- Căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ kế toán nên đối với tổ chức hệ thống sổ kế toán của công ty được áp dụng theo hình thức Nhật Ký Chung.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật Ký Chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi nhận vào sổ Nhật Ký Chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó, lấy số liệu trên sổ Nhật Ký để ghi vào Sổ Cái các tài khoản.

- Theo hình thức Nhật Ký Chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:
 - + Sổ Nhật Ký Chung.
 - + Sổ Cái.
 - + Sổ thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung:
 - + Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật Ký Chung, sau đó căn cứ

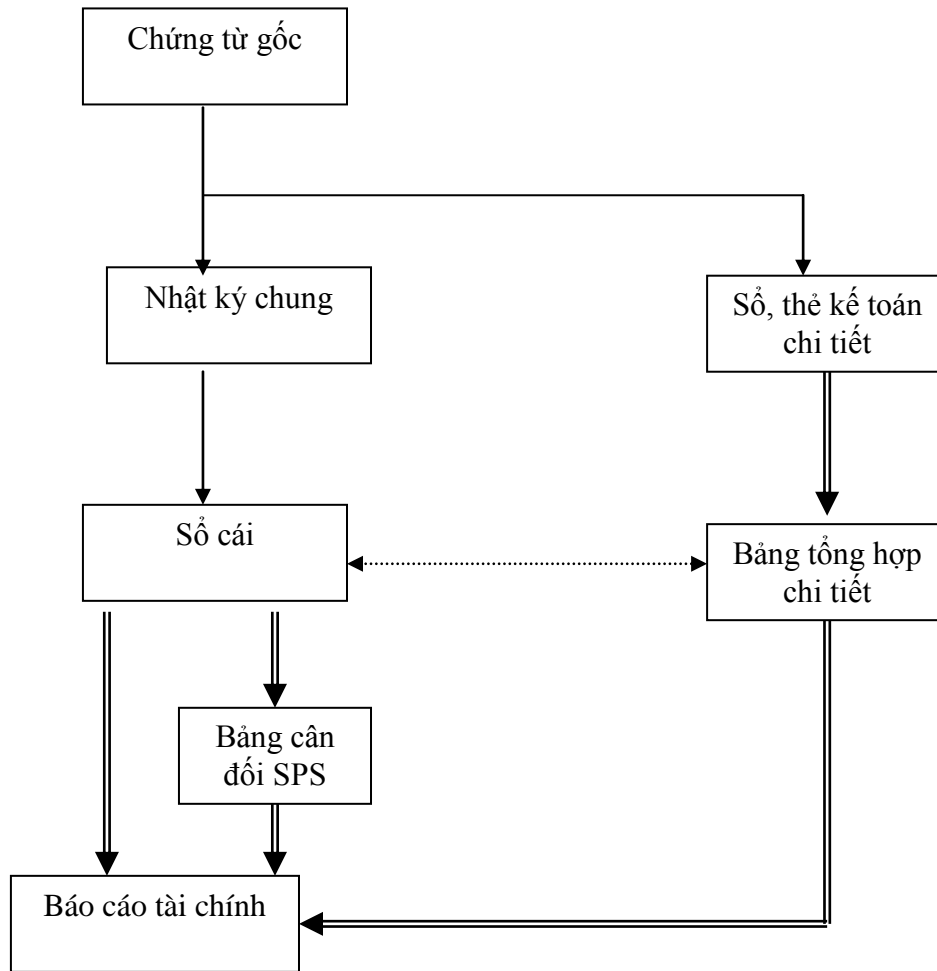
vào số liệu ghi trên sổ Nhật Ký Chung để ghi Sổ Cái TK có liên quan. Trường hợp các hoạt động kế toán tài chính có liên quan đến đối tượng cần hạch toán, đồng thời căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

+ Đối chiếu số liệu giữa bảng tổng hợp chi tiết số phát sinh và sổ cái của tài khoản tương ứng.

+ Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng Cân Đối Số Phát Sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết ta tiến hành lập các Báo Cáo Tài Chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung được được mô tả bằng sơ đồ 2.3:

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

- Ưu, nhược điểm của hình thức kế toán Nhật Ký Chung:

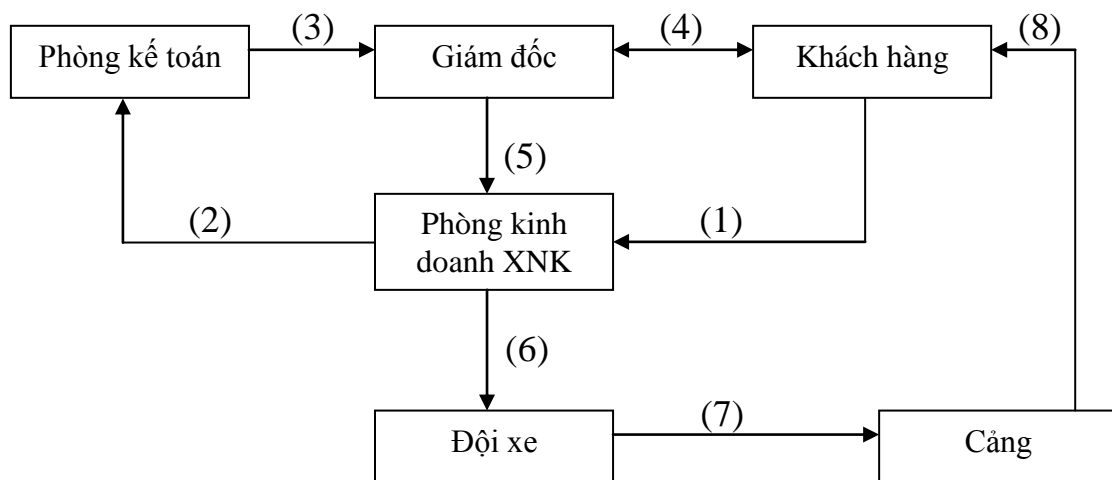
+ Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ hiểu, do kết cấu số đơn giản nên rất thuận tiện cho việc xử lý bằng máy vi tính.

+ Nhược điểm: Việc tổng hợp số liệu báo cáo không kịp thời nếu sự phân công công tác của cán bộ kế toán không hợp lý.

2.1.6. Quy trình công nghệ sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến

Từ đặc điểm của công ty là một đơn vị sản xuất kinh doanh mang tính chất dịch vụ là chủ yếu. Do đó, sản phẩm của công ty không mang hình thái vật chất mà chỉ làm tăng thêm giá trị của sản phẩm. Cũng chính vì lý do đó mà quy trình công nghệ sản phẩm của công ty không phân thành các công đoạn sản xuất mà được phân theo các đầu xe vận tải cụ thể, hoạt động của các đầu xe là riêng rẽ, độc lập.

Sau đây, em xin mô tả các công việc chính cho một chuyến hàng vận chuyển của các đầu xe như sau:



(1). Khi khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa sẽ phải làm hợp đồng kinh tế giữa hai bên do phòng kinh doanh XNK thực hiện.

(2). Sau đó chuyển lên phòng kế toán

(3). Trước khi trình giám đốc ký duyệt, phòng kế toán tính toán giá thành, chi phí của cung đường vận chuyển rồi chuyển cho giám đốc.

(4). Giám đốc thực hiện ký hợp đồng với khách hàng.

(5). Sau khi ký xong hợp đồng sẽ giao cho phòng kinh doanh XNK

(6). Viết lệnh điều xe.

(7). Đội xe nhận lệnh, lái xe đến cảng nhận và bốc xếp hàng hóa.

(8). Sau khi hoàn thành các thủ tục sẽ vận chuyển hàng hóa đến nơi khách hàng yêu cầu.

2.2. Thực tế tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến.

2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, ảnh hưởng tới tính chính xác của thông tin kế toán cung cấp từ quá trình tập hợp chi phí sản xuất. Vì vậy, xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí, phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của công ty có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép sổ chi tiết.... Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm của công ty vận tải nói chung và công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến nói riêng là dịch vụ vận chuyển hàng hoá từ địa điểm này đến địa điểm khác theo yêu cầu của khách hàng nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của công ty là từng xe cụ thể.

2.2.2. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến là một công ty vận tải và hoạt động chủ yếu của công ty là dịch vụ giao nhận hàng hoá nên chi phí sản xuất kinh doanh chỉ bao gồm chi phí kinh doanh vận tải.

Hiện nay, công ty không sử dụng các TK 621, 622 để hạch toán chi phí mà chỉ sử dụng TK 627 với các tiểu khoản và TK 154 để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành dịch vụ:

TK 627: Chi phí sản xuất chung, với các tiểu khoản:

+ TK 627(1): Chi phí nhân viên.

+ TK 627(2): Chi phí nhiên liệu.

+ TK 627(4): Chi phí khấu hao TSCĐ.

- + TK627(5): Chi phí sắm lớp
- + TK 627(7): Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 627(8): Chi phí bằng tiền khác.

TK 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, với các tiểu khoản:

- + TK 154VTB: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang khối vận tải bộ.
- + TK 154VTT: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang khối vận tải thủy.

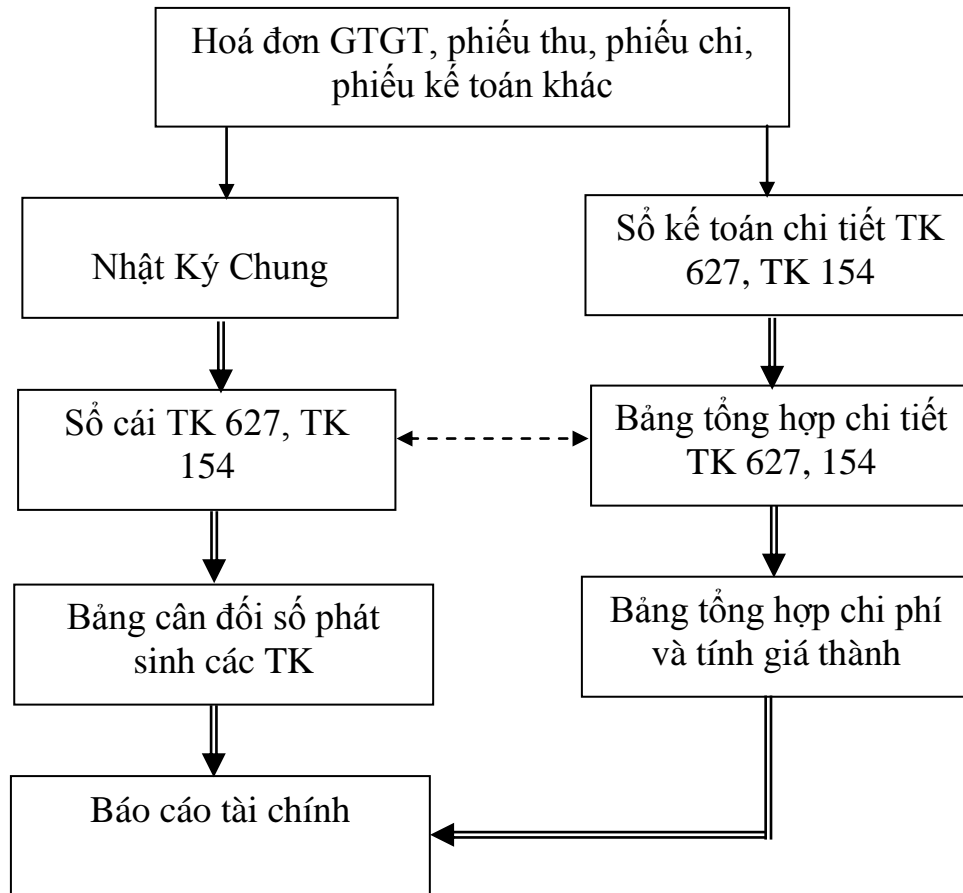
2.2.3. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu Chi.
- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ Cái TK 627, TK 154
- Bảng trích và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Sổ Chi Tiết TK 627, TK 154
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 627, TK 154
- Bảng tính giá thành
- Các phiếu kế toán khác

2.2.4. Quy trình hạch toán

Quy trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành dịch vụ của công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến được mô tả bằng sơ đồ 2.4:

Sơ đồ 2.4. Quy trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành dịch vụ theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi... kế toán tiến hành định khoản rồi ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật Ký Chung và Sổ Chi Tiết các TK 627, 154.

Căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật Ký Chung, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Cái các TK 627, 154, mỗi TK này đều được mở riêng một Sổ Cái.

Dựa vào số liệu trên sổ chi tiết các TK trên, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết các TK 627, 154. Đồng thời, lập bảng tổng hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ.

Cuối kỳ, dựa vào số liệu trên Sổ Cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh để kiểm tra và theo dõi số phát sinh, số dư các tài khoản. Từ đó, kế toán căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập các Báo Cáo Tài Chính.

2.2.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

2.2.5.1. Kế toán chi phí nhiên liệu:

- Do đặc điểm của Công ty vận tải Quyết Tiến hoạt động kinh doanh chủ yếu là vận tải hàng hoá nên khoản chi phí nhiên liệu, vật liệu... chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chi phí nhiên liệu chủ yếu ở đây là dầu Diesel, dầu máy và nhớt, ngoài ra còn có các phụ tùng thay thế, ốc vít...

- Cơ sở để tính chi phí nhiên liệu (dầu) là dựa vào định mức nhiên liệu tiêu hao cho xe, công thức tính:

$$\text{Số nhiên liệu dùng cho một chuyến hàng} = \text{Số Km} \times 0.44 \times 2$$

- TK sử dụng: TK 627(2): Chi phí nhiên liệu, vật liệu

- Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, Phiếu giao nhận nhiên liệu, Phiếu chi, Sổ Nhật Ký Chung, Sổ chi tiết TK 627(2).

- Tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến thì nhiên liệu mua không qua nhập kho mà sử dụng trực tiếp cho quá trình vận chuyển hàng hoá bằng cách bơm trực tiếp tại cây xăng vào xe theo từng lần (hoặc từng chuyến đi). Vì vậy, kế toán không viết phiếu nhập kho, xuất kho.

Cuối tháng, lái xe sẽ tập hợp các hóa đơn xăng dầu chuyển cho phòng kế toán. Phòng kế toán tập hợp các hóa đơn để vào sổ Nhật Ký Chung, sổ chi tiết TK 627(2) và Sổ Cái TK 627.

Ví dụ: Tình hình chi phí nhiên liệu trong tháng 12 như sau:

- Phí dầu Diesel: 262.624.000, chưa có VAT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

- Phí dầu máy: 2.208.000, chưa có VAT 10%, thanh toán bằng tiền mặt

Cụ thể cho từng xe :

STT	Số xe	Phí dầu	
		Diesel	Máy
1	16L 2706	32.350.000	652.000
2	16H 3557	33.064.000	-
3	16L 4945	28.197.000	555.000
4	16H 7508	20.450.000	185.000
5	16L 7975	34.240.000	-
6	16H 8064	20.670.000	296.000
7	16H 2914	25.500.000	520.000
8	16M 7326	32.610.000	-
9	16M 7378	35.543.000	-
	Tổng	262.624.000	2.208.000

Kế toán định khoản như sau:

Bút toán 1: a. Nợ TK 627(2) : 262.624.000

Nợ TK 133 : 26.262.400

Có TK 112 : 288.886.400

Bút toán 2: Nợ TK 627(2) : 2.208.000

Nợ TK 133 : 220.800

Có TK 111 : 2.428.800

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí nhiên liệu, vật liệu:

Nợ TK 154 : 264.832.000

Có TK 627(2): 264.832.000

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng
MST: 0200632327

Mẫu số 02TT – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30/12/2009

Người nhận tiền : Công ty TNHH Trung Kiên
Địa chỉ : Kim Thành – Hải Dương
Về khoản : Chi trả tiền mua Dầu Diesel, dầu máy
Số tiền : 291.315.200
Bằng chữ : Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm mười năm ngàn
hai trăm đồng.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
18/12	HĐ 0000718	18/12	Mua dầu Diesel của công ty TNHH Trung Kiên	627(2)	262.624.000	
				133	26.262.400	
				112		288.886.400
25/12	PC 35	25/12	Chi phí mua dầu máy	627(2)	2.208.000	
				133	220.800	
				111		2.428.800
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhiên liệu T12	154	264.832.000	
				627		264.832.000
					
			Tổng cộng		68.049.939.512	68.049.939.512

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí nhiên liệu, vật liệu
Số hiệu: 627(2)
Tháng 12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Phát sinh trong tháng			
18/12	HĐ 0000718	Mua Dầu Diesel của công ty Trung Kiên	112	262.624.000	
25/12	PC35	Chi phí mua dầu máy	111	2.208.000	
31/12	KC12	Kết chuyển chi phí nhiên liệu, vật liệu T12	154		264.832.000
		Cộng phát sinh trong tháng		264.832.000	264.832.000
		Số dư cuối tháng			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.5.2. Kế toán chi phí nhân viên

Chi phí nhân viên bao gồm tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, các khoản hỗ trợ khác cho lái xe và phụ xe. Tại công ty, không tiến hành trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) cho lái xe và phụ xe.

Hình thức trả lương cho lái xe được tính theo từng chuyến vận chuyển hàng hoá, mỗi chuyến hàng được tính là một công, cuối tháng kế toán cộng tổng lương của tất cả các chuyến vận chuyển đó để tính lương cho lái xe, đối với phụ xe, lương khoán là 1.000.000

- TK sử dụng: TK 627(1)

- Chứng từ sử dụng: Bảng thanh toán lương, Bảng Chấm Công, Sổ Nhật Ký Chung, Sổ Chi Tiết TK 627(1)...

Ví dụ: Căn cứ vào bảng thanh toán lương, tính lương cho lái xe, phụ xe tháng 12/2009:

Kế toán định khoản:

Nợ TK 627(1) : 43.380.000

Có TK 334 : 43.380.000

Cuối tháng, thanh toán lương:

Nợ TK 334 : 43.380.000

Có TK 111 : 43.380.000

Cuối kỳ kết chuyển chi phí nhân viên:

Nợ TK 154 : 43.380.000

Có TK 627(1): 43.380.000

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG (Bộ phận lái xe)

stt	Họ và tên	CV	Lương CB	Ngày Công	Tiền lương	Hỗ trợ ĐT	Tiền thưởng	Lương còn lại	Kí nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Bằng	LX	Chuyên	32	3.590.000	200.000	440.000	4.230.000		
2	Nguyễn Bình Long	LX	Chuyên	29	3.310.000	200.000	760.000	4.270.000		
3	Nguyễn Văn Trung	LX	Chuyên	17	2.870.000	200.000		3.070.000		
4	Trần Văn Tiệp	LX	Chuyên	34	3.750.000	200.000	920.000	4.870.000		
5	Nguyễn Văn Bằng	LX	Chuyên	28	3.310.000	200.000	360.000	3.870.000		
6	Minh Văn Huy	LX	Chuyên	33	3.780.000	200.000	560.000	4.540.000		
7	Đoàn Văn Quang	LX	Chuyên	34	3.700.000	200.000	800.000	4.700.000		
8	Lưu Văn Thư	LX	Chuyên	22	2.490.000	200.000	-	2.690.000		
9	Nguyễn Duy Chiến	LX	Chuyên	25	2.390.000	-	80.000	2.470.000		
10	Nguyễn Văn Tuấn	PX	1.000.000	1-31	1.000.000			1.000.000		
11	Nguyễn Văn Chi	PX	1.000.000	19-31	1.000.000			1.000.000		1-18 nghỉ tai nạn
12	Đoàn Văn Cương	PX	1.000.000	1-31	1.000.000			1.000.000		
13	Đỗ Văn Thịnh	PX	1.000.000	1-11,13-21,23-	1.000.000			1.000.000		Nghỉ 2 ngày
14	Ngô Văn Điền	PX	1.000.000	1-31	1.000.000			1.000.000		
15	Nguyễn Quang Khoái	PX	1.000.000	1-7,18-31	666.667			670.000		Nghỉ 10 ngày
16	Đỗ Mạnh Sơn	PX	1.000.000	1-31	1.000.000			1.000.000		
17	Nguyễn Duy Mạnh	PX	1.000.000	1-31	1.000.000			1.000.000		
18	Đặng Tiểu Bình	PX	1.000.000	1-31	1.000.000			1.000.000		
	Tổng							43.380.000		

Cụ thể lương lái xe và phụ xe cho xe 16H 3557 của T12/2009 như sau:

- Lái xe: Nguyễn Bình Long
- Phụ xe : Đỗ Mạnh Sơn: lương 1.000.000đ

STT	NT	Tuyến đường	Lương
1	1/12	Ánh Nhỏ - Vác Hà Tây	120.000
2	4/12	Trả Thặng Long – HN	120.000
3	5/12	Mây Đố - BN	120.000
4	6/12	Trả Chinghai Đại Đồng – BN	120.000
5	7/12	Ánh Nhỏ - Vác Hà Tây	120.000
6	8/12	Chị Quế - Đáp Cầu – BN	120.000
7	8/12	Trả Kinh Môn – HD	80.000
8	8/12	Chị Thơm – BN	120.000
9	10/12	Yến Hà – BN	120.000
10	11/12	Trả Cầu Bo – Thái Bình	120.000
11	12/12	Trả 460 Minh Khai – HN	120.000
...
27	28/12	A Nghĩa – Thái Nguyên	150.000
28	29/12	Đan Phượng – HN	120.000
29	30/12	Trả Láng Hoà Lạc – HN	120.000
		Hỗ trợ tiền điện thoại lái xe	200.000
		Tiền thưởng	760.000
		Tổng lương	4.270.000

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
18/12	HD 0000718	18/12	Mua dầu Diesel của công ty TNHH Trung Kiên	6272	262.624.000	
				133	26.262.400	
				112		288.886.400
25/12	PC 35	25/12	Chi phí mua dầu máy	6272	2.208.000	
				133	220.800	
				111		2.428.800
31/12	BL12	31/12	Tính lương phải trả cho lái xe, phụ xe	627(1)	43.380.000	
				334		43.380.000
31/12	BL12	31/12	Thanh toán lương cho lái xe, phụ xe	334	43.380.000	
				111		43.380.000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhiên liệu	154	264.832.000	
				627(2)		264.832.000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhân viên	154	43.380.000	
				627(1)		43.380.000
					
			Tổng cộng		68.049.939.512	68.049.939.512

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí nhân viên

Số hiệu: 627(1)

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Phát sinh trong tháng			
31/12	BL12	Tính ra lương phải trả cho bộ phận lái xe	334	43.380.000	
31/12	KC	Kết chuyển chi phí nhân viên	154		43.380.000
		Cộng phát sinh trong tháng		43.380.000	43.380.000
		Số dư cuối tháng			

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.5.3. Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Công việc chính của công ty là vận chuyển hàng hoá nên TSCĐ của công ty chủ yếu là các phương tiện vận tải, công ty luôn chú trọng trang bị mới và sửa chữa các phương tiện đó.

- Hàng tháng, căn cứ vào nguyên giá từng loại TSCĐ và thời gian khấu hao TSCĐ theo quy định, kế toán tiến hành trích số khấu hao cơ bản của những TSCĐ đang được sử dụng trực tiếp tại các đội xe. Công ty quy định các phương tiện vận tải khấu hao hết trong vòng 72 tháng. Việc phân bổ khấu hao được kế toán lập thành bảng theo dõi hàng tháng.

- Công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến sử dụng phương pháp khấu hao đều để trích khấu hao cho TSCĐ:

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{ bình quân năm} \end{array} = \frac{\text{NG TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{ bình quân tháng} \end{array} = \frac{\text{NG TSCĐ}}{\text{Số tháng sử dụng}}$$

- TK sử dụng: Để hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ, công ty sử dụng tài khoản 627(4) và TK 214

- Chứng từ sử dụng:

+ Hoá đơn mua TSCĐ.

+ Biên bản bàn giao TSCĐ.

+ Bảng trích khấu hao.

+ Sổ chi tiết TK 627(4)

+ Sổ Nhật Ký Chung ...

Ví dụ: Trong tháng 12/2009, công ty trích khấu hao phương tiện vận tải với số tiền 34.773.730

Kế toán định khoản:

Nợ TK 627(4) : 34.773.730

Có TK 214 : 34.773.730

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí khấu hao TSCĐ:

Nợ TK 154 : 34.773.730

Có TK 627(4): 34.773.730

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12/2009

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Thời gian khấu hao (tháng)	KH tháng 12
1	Xe 16L 2706	148.029.000	72	2.055.958
2	Xe 16H 3557	329.910.000	72	4.582.083
3	Xe 16L 4945	210.110.000	72	2.918.195
4	Xe 16H 7508	300.000.000	72	4.166.667
5	Xe 16L 7975	589.649.000	72	8.189.570
6	Xe 16H 8064	153.000.000	72	2.125.000
7	Xe 16H 2914	373.009.560	72	5.180.700
8	Xe 16M 7326	220.000.000	72	3.055.560
9	Xe 16M 7378	180.900.000	72	2.500.000
	TỔNG CỘNG	2.504.607.560		34.773.730

Căn cứ vào bảng tính khấu hao của TSCĐ, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết TK 627(4) và Sổ Nhật Ký Chung.

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	BL12	31/12	Tính lương phải trả cho lái xe	627(1)	43.380.000	
				334		43.380.000
31/12	BL12	31/12	Thanh toán lương cho lái xe	334	43.380.000	
				111		43.380.000
31/12	BKH12	31/12	Trích khấu hao T12 cho phương tiện vận tải	627(4)	34.773.730	
				214		34.773.730
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhiên liệu	154	264.832.000	
				627(2)		264.832.000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhân viên	154	43.380.000	
				627(1)		43.380.000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí khấu hao TSCĐ	154	34.773.730	
				627(4)		34.773.730
					
			Tổng cộng		68.049.939.512	68.049.939.512

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b– DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí khấu hao TSCĐ

Số hiệu: 627(4)

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Phát sinh trong tháng			
31/12	BKH	Trích khấu hao T12 cho phương tiện vận tải	214	34.773.730	
31/12	KC	Kết chuyển chi phí KH TSCĐ	154		34.773.730
		Cộng phát sinh trong tháng		34.773.730	34.773.730
		Số dư cuối tháng			

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.5.4. Chi phí sắm lốp

Chi phí sắm lốp là khoản chi phí có tính đặc thù trong doanh nghiệp vận tải ô tô nói chung. Đây là khoản chi phí về thay thế sắm lốp ô tô hư hỏng, lắp lại lốp, vá lại sãm. Trong quá trình vận tải, sãm lốp bị hao mòn với mức độ nhanh hơn khấu hao đầu xe nên phải thay thế nhiều lần nhưng giá trị sãm lốp thay thế không tính vào giá thành vận tải ngay một lúc mà hàng tháng công ty phải trích trước chi phí sãm lốp đưa vào giá thành vận tải, để tạo nên sự ổn định về khoản chi phí này và giá thành sản phẩm vận tải ô tô giữa các kỳ hạch toán.

Ví dụ: Trong tháng 12/2009, doanh nghiệp trích trước chi phí sãm lốp như sau:

BẢNG PHÂN BỐ TRÍCH TRƯỚC CHI PHÍ SẨM LỐP

Tháng 12/2009

STT	Số xe	NG sãm lốp	Thời gian phân bổ (tháng)	Mức khấu hao
1	Xe 16L 2706	81.000.000	30	2.700.000
2	Xe 16H 3557	63.000.000	30	2.100.000
3	Xe 16L 4945	72.000.000	30	2.400.000
4	Xe 16H 7508	90.000.000	30	3.000.000
5	Xe 16L 7975	81.000.000	30	2.700.000
6	Xe 16H 8064	81.000.000	30	2.700.000
7	Xe 16H 2914	72.000.000	30	2.400.000
8	Xe 16M 7326	72.000.000	30	2.400.000
9	Xe 16M 7378	81.000.000	30	2.700.000
	Tổng	693.000.000		23.100.000

Kế toán định khoản:

Nợ TK 627(5) : 23.100.000

Có TK 335 : 23.100.000

Cuối kỳ kết chuyển chi phí sắm lớp:

Nợ TK 154 : 23.100.000

Có TK 627(5): 23.100.000

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiên
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí sắm lớp

Số hiệu: 627(5)

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Phát sinh trong tháng			
31/12	BPB	Trích trước chi phí sắm lớp	335	23.100.000	
31/12	KC	Kết chuyển chi phí sắm lớp	154		23.100.000
		Cộng phát sinh trong tháng		23.100.000	23.100.000
		Số dư cuối tháng			

2.2.5.5. Chi phí dịch vụ mua ngoài

Đây là khoản chi phí mà doanh nghiệp chi trả cho những dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình vận chuyển hàng hoá, chủ yếu là các khoản chi phí sau: Chi phí cho vé cầu đường, phí sửa chữa nhỏ phương tiện vận tải...

Để thuận lợi cho công việc, đối với những tuyến đường chính thì công ty tiến hành mua vé tháng. Việc làm này sẽ tiết kiệm được chi phí hàng tháng.

TK sử dụng: TK 627(7)

Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, phiếu chi, sổ chi tiết TK 627(7), sổ nhật ký chung...

Ví dụ: Trong tháng 12/2009, chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty như sau:

- Tiền vé cầu đường là 21.600.000, chưa bao gồm VAT 10%
- Chi phí sửa chữa: 8.280.000, chưa bao gồm VAT 10%

Cụ thể cho từng xe:

STT	Số xe	Phí cầu đường	Phí sửa chữa
1	16L 2706	2.400.000	410.000
2	16H 3557	2.400.000	-
3	16L 4945	2.400.000	1.500.000
4	16H 7508	2.400.000	750.000
5	16L 7975	2.400.000	890.000
6	16H 8064	2.400.000	1.270.000
7	16H 2914	2.400.000	1.060.000
8	16M 7326	2.400.000	-
9	16M 7378	2.400.000	2.400.000
	Tổng	21.600.000	8.280.000

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 627(7) : 29.880.000

Nợ TK 133 : 2.988.000

Có TK 111 : 32.868.000

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài:

Nợ TK 154 : 29.880.000

Có TK 627(7): 29.880.000

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến

459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

MST: 0200632327

Mẫu số 02TT – DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 02/12/2009

Người nhận tiền : Công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam
Địa chỉ : Km81, Quốc lộ 5, Quán Toan, HP
Về khoản : Thanh toán tiền vé cầu đường
Số tiền : 23.760.000
Bằng chữ : Hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b– DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí dịch vụ mua ngoài

Số hiệu: 627(7)

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Phát sinh trong tháng			
02/12	PC 05	Thanh toán tiền vé cầu đường	111	21.600.000	
16/12	PC 20	Chi trả tiền sửa chữa TSCĐ	111	8.280.000	
31/12	KC	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	154		29.880.000
		Cộng phát sinh trong tháng		29.880.000	29.880.000
		Số dư cuối tháng			

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.5.6. Chi phí bằng tiền khác

Chi phí bằng tiền khác trong công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến là khoản chi phí tiền ăn, chi phí phát sinh đột xuất cho lái xe, phụ xe trong từng chuyến vận chuyển

TK sử dụng: TK 627(8)

Ví dụ:

Tổng chi phí đi đường cho lái xe, phụ xe trong tháng 12/2009 là 71.650.000đ, chi phí phát sinh khác: 2.985.000

Cụ thể, cho từng xe:

STT	Số xe	Phí đi đường	Phí phát sinh
1	16L 2706	6.610.000	425.000
2	16H 3557	8.970.000	610.000
3	16L 4945	5.550.000	130.000
4	16H 7508	8.180.000	50.000
5	16L 7975	10.120.000	470.000
6	16H 8064	6.170.000	470.000
7	16H 2914	8.180.000	530.000
8	16M 7326	7.420.000	150.000
9	16M 7378	10.450.000	150.000
	Tổng	71.650.000	2.985.000

Kế toán định khoản:

Nợ TK 627(8) : 74.635.000

Có TK 111 : 74.635.000

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí bằng tiền khác:

Nợ TK 154 : 74.635.000

Có TK 627(8): 74.635.000

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b– DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK: Chi phí bằng tiền khác

Số hiệu: 627(8)

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Phát sinh trong tháng			
31/12		Tổng chi phí khác trong tháng 12/2009	111	74.635.000	
31/12	KC12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác	154		74.635.000
		Cộng phát sinh tháng		74.635.000	74.635.000
		Số dư cuối tháng			

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Từ các sổ chi tiết của TK 627(1), TK 627(2), TK 627(4), TK 627(5), TK 627(7) và TK 627(8), kế toán tiến hành ghi Sổ Cái TK 627 và ghi sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
18/12	HD 0000718	18/12	Mua dầu Diesel của công ty TNHH Trung Kiên	6272	262.624.000	
				133	26.262.400	
				111		288.886.400
25/12	PC 35	25/12	Chi phí mua dầu máy	627(2)	2.208.000	
				133	220.800	
				111		2.428.800
31/12	BPB	31/12	Trích trước chi phí sắm lốp	627(2)	23.100.000	
				335		23.100.000
31/12	BL12	31/12	Tính lương phải trả cho lái xe	627(1)	43.380.000	
				334		43.380.000
31/12	BL12	31/12	Thanh toán lương cho lái xe	334	43.380.000	
				111		43.380.000
31/12	BKH12	31/12	Trích khấu hao T12 cho phương tiện vận tải	627(4)	34.773.730	
				214		34.773.730
2/12	PC05	2/12	Thanh toán tiền vé cầu đường	627(7)	21.600.000	
				133	2.160.000	
				111		23.760.000

16/12	PC20	16/12	Chi trả tiền sửa chữa TSCĐ	627(7)	8.280.000	
				133	828.000	
				111		9.108.000
31/12		31/12	Chi phí đi đường cho lái xe	627(8)	71.650.000	
				133	7.165.000	
				111		78.815.000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhiên liệu T12	154	264.832.000	
				627(2)		264.832.000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhân viên T12	154	43.380.000	
				627(1)		43.380.000
					
			Tổng cộng		68.049.939.512	68.049.939.512

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b– DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

627 – Chi phí sản xuất chung
Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

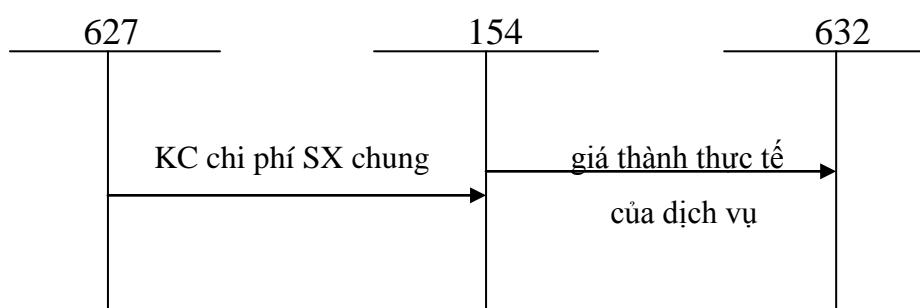
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
				
		Phát sinh trong T12			
18/12	HD 0000718	Mua Dầu Diesel của công ty Trung Kiên	112	262.624.000	
25/12	PC35	Chi phí mua dầu máy	111	2.208.000	
26/12	PC 36	Trích trước chi phí sãm lớp	335	23.100.000	
31/12	BL12	Tính ra lương phải trả cho bộ phận lái xe	334	43.380.000	
31/12	BKH	Trích khấu hao T12 cho phương tiện vận tải	214	34.773.730	
02/12	PC 05	Thanh toán tiền vé cầu đường	111	21.600.000	
16/12	PC 20	Chi trả tiền sửa chữa TSCĐ	111	8.280.000	
31/12	PC 40	Tổng chi phí khác trong tháng 12/2009	111	74.635.000	
31/12		Kết chuyển chi phí nhân viên T12	154		43.380.000
31/12		Kết chuyển chi phí nhiên liệu, vật liệu T12	154		264.832.000

31/12		Kết chuyển chi phí khấu hao TSCĐ T12	154		34.773.730
31/12		Kết chuyển chi phí sắm lớp	154		23.100.000
31/12		Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài T12	154		29.880.000
31/12		Kết chuyển chi phí bằng tiền khác trong T12	154		74.635.000
		Cộng phát sinh T12		470.600.730	470.600.730
		Số dư cuối kỳ			

2.2.6. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Sau khi tập hợp xong các khoản chi phí phát sinh, cuối tháng kế toán tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất vào bên nợ TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Trên cơ sở chi phí tập hợp được, kế toán tiến hành công việc tính giá thành cho dịch vụ đã hoàn thành toàn công ty

Sơ đồ 2.5: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ



Bút toán tập hợp chi phí sản xuất trong T12/2009:

Nợ TK 154 : 470.600.730
 Có TK 627(1): 43.380.000
 Có TK 627(2): 264.832.000
 Có TK 627(4): 34.773.730
 Có TK 627(5): 23.100.000
 Có TK 627(7): 29.880.000
 Có TK 627(8): 74.635.000

Vậy, tổng chi phí của công ty trong tháng 12 là 470.600.730

Công ty TNHH TM và vận tải Quyết Tiến
459 Đà Nẵng- Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S03b– DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
				
		Phát sinh trong T12			
	31/12	Kết chuyển chi phí nhân viên T12	627(1)	43.380.000	
	31/12	Kết chuyển chi phí nhiên liệu, vật liệu T12	627(2)	264.832.000	
	31/12	Kết chuyển chi phí khấu hao TSCĐ T12	627(4)	34.773.730	
	31/12	Kết chuyển chi phí sắm lớp	627(5)	23.100.000	
	31/12	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài T12	627(7)	29.880.000	
	31/12	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác trong T12	627(8)	74.635.000	
		Cộng phát sinh T12		470.600.730	470.600.730
		Số dư cuối kỳ			

2.2.7. Kế toán tính giá thành tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến

2.2.7.1. Đối tượng tính giá thành

Tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến, kế toán đã xác định đối tượng tính giá thành cũng chính là đối tượng tập hợp chi phí tức là từng xe cụ thể, điều đó có thể thấy rằng công tác tính giá thành dịch vụ của công ty thực chất là công tác tập hợp chi phí sản xuất.

Doanh nghiệp không tiến hành tính giá thành đơn vị cho từng chuyến hàng vận chuyển của từng xe.

2.2.7.2. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành là hàng tháng và thời điểm tính giá thành là ngày cuối tháng. Việc xác định như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, đảm bảo việc tính giá thành sản phẩm kịp thời, nhanh chóng, cung cấp thông tin cho lãnh đạo trong công tác quản lý chi phí và tính giá thành.

2.2.7.3. Phương pháp tính giá thành

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn:

$$Z_{t.té} = \text{GTDD đầu kỳ} + \text{CP phát sinh trong kỳ} - \text{GTDD cuối kỳ}$$

Thông thường, các hoạt động dịch vụ sẽ không có sản phẩm dở dang nên giá thành được tính đơn giản bằng công thức:

$$\text{Tổng } Z = \text{Tổng chi phí thực tế phát sinh liên quan đến dịch vụ đó}$$

Cuối tháng, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, sau đó lại chuyển toàn bộ chi phí phát sinh sang TK 632 – Giá vốn hàng bán để tính giá thành. Việc hạch toán được tiến hành như sau:

Bút toán 1: Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

 Có TK 627: Chi phí sản xuất chung

Bút toán 2: Nợ TK 632

 Có TK 154

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VẬN TẢI

Số xe	Chi phí										Tổng giá thành
	Nhiên liệu, vật liệu		Săm lốp	Nhân viên		Khấu hao TSCĐ	DV mua ngoài		Khác		
	Dầu Diesel	Dầu máy		Lương lái xe	Lương phụ xe		Tiền vé	Sửa chữa	Đi đường	Phát sinh	
16L2706	32.350.000	652.000	2.700.000	4.230.000	1.000.000	2.055.958	2.400.000	410.000	6.610.000	425.000	52.832.958
16H3557	33.064.000	-	2.100.000	4.270.000	1.000.000	4.582.083	2.400.000	-	8.970.000	610.000	56.996.083
16L4945	28.197.000	555.000	2.400.000	3.070.000	1.000.000	2.918.195	2.400.000	1.500.000	5.550.000	130.000	47.720.195
16H7508	20.450.000	185.000	3.000.000	4.870.000	1.000.000	4.166.667	2.400.000	750.000	8.180.000	50.000	45.051.667
16L7975	34.240.000	-	2.700.000	3.870.000	1.000.000	8.189.570	2.400.000	890.000	10.120.000	470.000	63.879.570
16H8064	20.670.000	296.000	2.700.000	4.540.000	1.000.000	2.125.000	2.400.000	1.270.000	6.170.000	470.000	41.641.000
16H2914	25.500.000	520.000	2.400.000	4.700.000	1.000.000	5.180.700	2.400.000	1.060.000	8.180.000	530.000	51.470.700
16M7326	32.610.000	-	2.400.000	2.690.000	670.000	3.055.560	2.400.000	-	7.420.000	150.000	51.395.560
16M7378	35.543.000	-	2.700.000	2.470.000	1.000.000	2.500.000	2.400.000	2.400.000	10.450.000	150.000	59.613.000

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH TM VÀ VT QUYẾT TIẾN

3.1. Nhận xét chung về thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp kế toán nói chung thì kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói riêng là một lĩnh vực gắn liền với các hoạt động kinh tế, tài chính, đảm nhiệm hệ thống thông tin có ích cho các quyết định kinh tế của lãnh đạo các doanh nghiệp.

Vì vậy, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp dịch vụ là một tất yếu khách quan, luôn được coi trọng, góp phần quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm dịch vụ.

Với số vốn không phải là lớn, song với những thành tựu và kết quả đạt được trong quá trình kinh doanh của công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến, điều đó chứng tỏ có sự cố gắng, nỗ lực vượt bậc của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp, trong đó có sự đóng góp đáng kể của phòng kế toán.

Bằng những kiến thức đã được giảng dạy trong trường và qua thời gian thực tập tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến, được tìm hiểu và tiếp cận thực tế về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tuy chưa nhiều cũng như chưa có thời gian tìm hiểu kỹ từng phần hành kế toán cụ thể. Nhưng qua bài báo cáo tốt nghiệp này em cũng xin trình bày một số quan điểm của mình tới công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

tại công ty cùng với những nhận xét của mình. Em hy vọng có thể sẽ góp phần nào đó vào việc hoàn thiện công tác kế toán tại công ty:

3.1.1. Những thành tựu đạt được trong công tác kế toán

* Về hình thức kế toán: Công ty đã áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, tổng hợp và thu thập thông tin kịp thời, phù hợp với năng lực, trình độ và đặc điểm quy mô hoạt động kinh doanh của Doanh Nghiệp. Có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng đối với đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình với công việc để thực hiện tốt công tác kế toán.

* Về hệ thống tài khoản: Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản do Bộ Tài Chính ban hành. Để theo dõi về các khoản chi phí, công ty sử dụng TK 627 và chi tiết cho từng tiểu khoản làm cho việc theo dõi các khoản chi được cụ thể, rõ ràng. Các chi phí này cuối kỳ được kế toán tập hợp vào TK 154 để tính giá thành.

* Về hệ thống chứng từ và sổ sách: Nhìn chung, trong quá trình hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, công ty đã sử dụng hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với điều kiện của công ty, theo đúng quy định cho hình thức sổ Nhật Ký Chung và ghi chép đầy đủ từng khoản mục mà mẫu sổ quy định.

* Về phương pháp tính giá thành: Công ty sử dụng phương pháp tính giá thành giản đơn là phù hợp với quy trình công nghệ của doanh nghiệp.

Nhìn chung, tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ tại công ty Quyết Tiến có ưu điểm là khá hoàn chỉnh. Công tác tính toán tập hợp chi phí chính xác và kịp thời, luôn đáp ứng với yêu cầu quản lý của ban lãnh đạo doanh nghiệp.

3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành vẫn còn một số vấn đề theo em chưa được hoàn chỉnh:

- Tại công ty Quyết Tiến, chi phí nguyên liệu, nhiên liệu dùng cho dịch vụ vận tải được kế toán theo dõi trên tài khoản 627(2). Theo quy định TK 627(2) là tài khoản được dùng để tập hợp chi phí vật liệu dùng tại các phân xưởng hay các bộ

phận gián tiếp phục vụ cho việc thực hiện dịch vụ. Như vậy việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là không đúng với nội dung hạch toán, chi phí này phải được tập hợp vào TK 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” rồi từ đó kết chuyển sang TK 154 “ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” để tính giá thành.

- Hiện nay, công ty chưa hạch toán các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) cho lái xe và phụ xe nên người lao động chưa được hưởng các chế độ.

- Xăng dầu mua về không qua nhập kho mà bơm trực tiếp tại cây xăng, cuối tháng, lái xe tập hợp các hóa đơn xăng dầu chuyển cho kế toán, kế toán công ty chit theo dõi phần nguyên liệu tiêu hao trên hóa đơn mà không theo dõi được tình hình sử dụng thực tế làm ảnh hưởng đến việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu dẫn đến việc tính giá thành thiếu chính xác.

- Quy mô nhỏ, nguồn vốn kinh doanh ít, phạm vi hoạt động vẫn còn hạn chế.

- Trong nhiều ngành kinh doanh đã đăng kí chỉ tập trung kinh doanh một lĩnh vực nên doanh thu còn chưa cao.

- Phương tiện vận tải chủ yếu là mua lại, đã qua sử dụng nên thường xuyên phải bảo dưỡng, sửa chữa.

3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng

- Do trình độ chuyên môn của kế toán còn bị hạn chế, chưa đạt yêu cầu.

- Việc kiểm tra, kiểm soát của công ty chưa chặt chẽ.

- Do sự chỉ đạo của cấp trên chưa nghiêm.

3.1.4. Bài học kinh nghiệm rút ra từ thực trạng

- Luôn luôn kiểm tra, giám sát toàn bộ công việc của công ty

- Phải áp dụng đúng chuẩn mực kế toán

3.2. Phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

3.2.1. Nguyên tắc định hướng hoàn thiện

- Quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là nội dung quan trọng hàng đầu trong các doanh nghiệp sản xuất, để đạt được mục tiêu tiết kiệm và

tăng cường lợi nhuận. Để phục vụ tốt công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí và tính giá thành chi phí luôn là vấn đề cấp thiết.

- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ cũng như tổ chức bộ máy quản lý và yêu cầu quản lý chi phí, quản lý giá thành. Do vậy, công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến nên ứng dụng với điều kiện cụ thể để phục vụ tốt cho yêu cầu kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh và đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

- Lĩnh vực kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một lĩnh vực chủ yếu nhất của kế toán quản trị. Vì vậy hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phải xuất phát từ yêu cầu quản trị doanh nghiệp và góp phần vào quá trình quản trị nội bộ.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp vừa phải sử dụng hệ thống kế toán tài chính do Nhà nước qui định, phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán chung, đảm bảo cung cấp các thông tin chân thực, tiết kiệm hao phí lao động hạch toán.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm còn phải phù hợp với việc áp dụng thành tựu công nghệ tin học vào trong công tác kế toán, giúp cho việc hạch toán được chi tiết, cụ thể theo nhiều yêu cầu mà khối lượng tính toán, ghi chép sổ sách được tiến hành một cách nhanh chóng ít sai sót, nhầm lẫn.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành phải dựa trên cơ sở phối hợp đồng bộ các phòng ban liên quan, đổi mới cơ chế quản lý tài chính để cùng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm không được làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

nghiệp và phải tôn trọng những nguyên tắc chuẩn mực kế toán mà Nhà Nước qui định.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải đảm bảo cung cấp số liệu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ phục vụ cho công tác quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phải làm cho bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công tác cao, nâng cao được năng lực quản lý và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được thực hiện trên cơ sở khoa học, phù hợp với chế độ, chính sách quản lý hiện hành của Nhà Nước.

- Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai và phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm tổ chức, qui mô, trình độ năng lực của đội ngũ kế toán, tình hình trang thiết bị của doanh nghiệp.

3.2.3. Kiến nghị hoàn thiện

Chúng ta đều biết mục tiêu cuối cùng của các doanh nghiệp đều hướng tới việc tối đa hoá lợi nhuận, không ngừng nâng cao lợi ích kinh tế xã hội. Để đạt được mục đích này các doanh nghiệp phải sử dụng đồng bộ các biện pháp từ khâu tổ chức đến khâu kỹ thuật trong quản lý sản xuất. Song một trong những biện pháp cơ bản quan trọng và có hiệu quả là giảm thiểu tới mức có thể các chi phí sản xuất cũng như hạ giá thành sản phẩm. Do đó, việc tăng cường quản lý và hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề quan trọng, đây cũng là vấn đề đang được ban lãnh đạo của công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến đặc biệt quan tâm.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Quyết Tiến, em thấy công tác này được tiến hành phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp đồng thời đáp ứng được

yêu cầu quản lý. Nhưng trong quá trình hội nhập từng bước với cơ chế mới không thể tránh khỏi những bất cập trong công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất nói riêng

Dưới góc độ là sinh viên thực tập tốt nghiệp tại công ty vận tải Quyết Tiến, em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến có thể góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty:

Kiến nghị 1: Việc tập hợp chi phí nguyên, nhiên liệu sử dụng cho dịch vụ vận tải: xăng, dầu... không nên hạch toán TK 627(2) vì nếu làm như vậy không đúng bản chất của chi phí. Đây là những chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện dịch vụ chứ không phải là chi phí gián tiếp.

Các chi phí nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình thực hiện dịch vụ phải được hạch toán vào TK 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Kiến nghị 2: Công ty nên hạch toán các khoản trích theo lương phải trả cho người lao động theo quy định như sau:

STT	Nội dung	Người lao động (trừ vào lương)	Chủ doanh nghiệp (tính vào CP)
1	BHXH	5%	15%
2	BHYT	1%	2%
3	KPCĐ	0%	2%
4	BHTN	1%	1%
	Tổng	7%	20%

Khi công ty thực hiện việc trích các khoản theo lương thì người lao động sẽ được hưởng các chế độ khi ốm đau, tai nạn...điều đó sẽ khuyến khích tinh thần người lao động, còn với doanh nghiệp thì các khoản trích theo lương tính vào chi phí làm cho giá thành sản phẩm phản ánh đúng, đầy đủ các yếu tố chi phí.

Kiến nghị 3: Định kỳ công ty nên cử cán bộ trong công ty xuống cơ sở xăng dầu để kiểm tra tình hình thực tế sử dụng xăng dầu của các xe trong kỳ để tránh tình trạng tiêu cực.

3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp kiến nghị

* Đối với nhà nước: Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng. Ban hành các quy định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động dễ dàng, có hiệu quả.

* Đối với doanh nghiệp: Cần chú trọng trong khâu tuyển dụng nhân viên, đặc biệt là nhân viên kế toán, tổ chức các lớp đào tạo cán bộ nhằm nâng cao trình độ cho nhân viên. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của nhà nước. Không tự do tăng giá dịch vụ vận tải.

* Đối với cán bộ nhân viên: Trung thực, nỗ lực học tập.

* Đối với nhà trường: Mở các trường đào tạo cho sinh viên học tập, rèn luyện cho sinh viên cách làm thực tế, ra trường giúp ích cho xã hội.

* Đối với hiệp hội nghề nghiệp kế toán- kiểm toán: Tạo điều kiện giúp đỡ các doanh nghiệp phát triển.

KẾT LUẬN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận, kết hợp với tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH TM và VT Quyết Tiến, em nhận thấy rằng để thực hiện nhiệm vụ hạch toán kinh doanh cần phải quan tâm tổ chức tốt công tác kế toán và phải coi việc hạch toán kế toán là sự cần thiết khách quan, nhằm quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư, tiền vốn của mình. Bằng công cụ kế toán, các nhà quản lý trực tiếp lãnh đạo doanh nghiệp tiến hành kiểm soát toàn bộ tình hình tài chính, tình hình sản xuất và kết quả thu được sau quá trình sản xuất.

Để phát huy một cách có hiệu lực công cụ kế toán và đặc biệt là kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, việc tổ chức công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm dịch vụ luôn được cải tiến, hoàn thiện để phản ánh một cách đầy đủ và chính xác tình hình biến động của chi phí, từ đó tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm. Kế toán có vị trí quan trọng trong việc quản lý chặt chẽ chi phí ở các khâu. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở công ty Quyết Tiến tuy còn có một số hạn chế nhất định song với nỗ lực cố gắng cao của phòng kế toán việc hạch toán đầy đủ chi phí vẫn tiến hành thường xuyên liên tục đáp ứng các nhu cầu kinh doanh, góp phần tích cực trong công tác quản lý doanh nghiệp.

Với việc tìm hiểu nghiêm túc sau một thời gian thực tập tại công ty Quyết Tiến em đã thực sự học hỏi được nhiều điều bổ ích về kiến thức thực tế. Đồng thời em cũng nhận ra rằng việc chuẩn bị hành trang cho tương lai chỉ có lý thuyết thì chưa đủ mà còn phải áp dụng lý thuyết vào thực tế một cách linh hoạt để phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

Em xin chân thành cảm ơn **PGS.TS Thịnh Văn Vinh** cùng các anh chị trong phòng kế toán công ty Quyết Tiến đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Đỗ Thị Liên